

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN ASG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 27/2023/ASG

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

V/v: Báo cáo thường niên năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGD CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG  
Mã chứng khoán: ASG  
Địa chỉ trụ sở chính: Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.  
Điện thoại: 024. 3761 6688 Fax: 024. 3772 8668  
Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thị Nhung  
Chức vụ: Người phụ trách quản trị công ty  
Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG công bố Báo cáo thường niên năm 2022.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG vào ngày 19/04/2023, tại đường dẫn: <http://asg.net.vn/vi/shareholders/co-dong/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:  
Báo cáo thường niên năm 2022

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Trần Thị Nhung

**NEW** *VISION*  
*IDENTITY*  
*SUCCESS*



**2022**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG





# 1 ASG NĂM 2022

1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Giá trị tinh thần, chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững
3. Dấu ấn năm 2022

# 4 BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty
2. Kế hoạch phát triển năm 2023

# 2 TỔNG QUAN VỀ ASG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành, phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

# 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Giới thiệu về HĐQT, ban Tổng Giám Đốc & Kế toán trưởng và ban Kiểm soát
2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2022
3. Hoạt động của BKS trong năm 2022
4. Các giao dịch, lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, ban Tổng Giám Đốc và ban Kiểm soát

# 3 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Tổng quan thị trường kinh doanh
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo tình hình tài chính
4. Báo cáo tình hình đầu tư
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động
7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

# 6 BCTC HỢP NHẤT NĂM 2022 ĐÃ KIỂM TOÁN

# 1

## ASG NĂM 2022

1. Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
2. Giá trị tinh thần, chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững
3. Dấu ấn năm 2022

# NEW *VISION* *IDENTITY* *SUCCESS*



## Thông điệp của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và Quý Nhà đầu tư,

Năm 2022, tiếp tục là một năm đầy thách thức trên mọi mặt của nền kinh tế và đời sống xã hội. Dư âm đại dịch vẫn còn, cuộc chiến tại Ukraine đã dẫn đến cuộc khủng hoảng năng lượng chưa từng thấy, theo đó giá nhiên liệu, năng lượng, nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển... đều tăng phi mã, kéo theo lạm phát. Hầu hết các ngân hàng đều tăng lãi suất nhằm kìm hãm lạm phát, dẫn đến sự tắc nghẽn dòng vốn đầy nhiều nền kinh tế đứng trước nguy cơ suy thoái.

Tổng doanh thu thuần năm 2022

**1.980 tỷ**

Lợi nhuận 2022

**152 tỷ**

Tổng tài sản đạt trên

**3.000 tỷ**

Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành năm 2022

**300 tỷ**

Với Việt Nam, chúng ta ít nhiều cũng bị ảnh hưởng, thể hiện rõ nhất vào Quý IV/2022 khi lãi suất cho vay đồng loạt tăng gây áp lực lên tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Tập đoàn ASG với 3 lĩnh vực hoạt động chính là dịch vụ logistics, dịch vụ hàng không sân bay, đầu tư hạ tầng và phát triển khu công nghiệp, cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực kể trên. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Ban lãnh đạo Tập đoàn, tinh thần làm việc chuyên nghiệp, nhiệt huyết của toàn thể cán bộ nhân viên, Tập đoàn ASG trong bối cảnh khó khăn đó đã đạt được những kết quả tích cực. Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ và Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2022 của Tập đoàn năm 2022 đạt 1.980 tỷ đồng và 152 tỷ đồng, tăng trưởng vượt bậc so với 2021.

Nhìn lại toàn cảnh năm 2022, mặc dù là một năm đầy khó khăn, thách thức, nhưng chúng ta đã thấy một Tập đoàn ASG luôn vượt qua mọi khó khăn, quy mô hệ thống ngày càng mở rộng với 23 công ty thành viên, hơn 2.000 cán bộ nhân viên, chuỗi các trung tâm dịch vụ logistics hoạt động trải dài trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam, tổng tài sản đạt trên 3.000 tỷ đồng. Đặc biệt với việc phát hành thành công gói trái phiếu với tổng giá trị là 300 tỷ đồng đã góp phần nâng cao giá trị của Tập đoàn ASG, thể hiện niềm tin của Quý nhà đầu tư vào sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Với mong muốn nâng cao hơn nữa về hình ảnh, quy mô, tầm vóc, khát vọng thành công, khát vọng chinh phục, tạo lập các giá trị to lớn hơn, ý nghĩa hơn và bền vững hơn cho Tập đoàn ASG cũng như Quý khách hàng, đối tác và cộng đồng, ngày 30/12/2022, Tập đoàn đã ra mắt thành công Logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới. Logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới của ASG vừa kế thừa được những tinh hoa đã được dày công vun đắp trong suốt thời gian qua, vừa phát huy truyền tải được những kỳ vọng cho hành trình phía trước. Sự đổi mới này đánh dấu một bước chuyển mình quan trọng của Tập đoàn trong chiến lược tái cấu trúc tổng thể nhằm hướng tới những vận hội phát triển mới.

Bước sang năm 2023, một năm mà tình hình kinh tế - xã hội được dự báo sẽ phải đối mặt với nhiều bất ổn và cạnh tranh ngày càng lớn, vì vậy trọng trách của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ, nhân viên trong công cuộc xây dựng và phát triển Tập đoàn ASG sẽ càng lớn hơn. Với sự chung sức, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm, tính sáng tạo của toàn thể Cán bộ nhân viên cùng tập thể Ban Lãnh đạo, tôi hoàn toàn tin tưởng Tập đoàn ASG sẽ hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra, tiếp tục xây dựng nên một thương hiệu ASG uy tín, vững mạnh trên thị trường, đồng thời mang đến những giá trị thiết thực cho tất cả Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác, CBNV và toàn xã hội.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn đến: toàn thể CBNV Tập đoàn, những người đã lao động hết mình cho kết quả hôm nay và đang miệt mài xây dựng ASG ngày một thịnh vượng hơn; Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng ASG và kính mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành của Quý vị để Tập đoàn ASG ngày càng phát triển bền vững, thịnh vượng.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Dương Đức Tính



## Giá trị tinh thần, chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững

### Slogan: Grow Together

Ý nghĩa ASG "cùng lớn mạnh, cùng phát triển" với các Khách hàng, Đối tác, Cổ đông, Người lao động, Cộng đồng và nền kinh tế của Việt Nam.



### Tâm nhìn - Sứ mệnh

Tạo lập, vận hành và cung cấp các hạ tầng, dịch vụ chuyên nghiệp, chất lượng nhằm giúp các khách hàng, đối tác mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất, tiếp cận thị trường, khách hàng... Qua đó đạt được những mục tiêu, thành tựu quan trọng trong kinh doanh.



### Giá trị cốt lõi

#### A: Agility - Linh hoạt

Linh hoạt không chỉ là đặc trưng dịch vụ trong hệ sinh thái của ASG, mà đó còn thể hiện tư duy và hành động của Tập đoàn. Luôn cẩn trọng, có chiều sâu trong suy nghĩ, luôn mạnh mẽ, linh hoạt trong thực hiện, sẵn sàng chủ động và thích nghi ở mọi hoàn cảnh.

#### S: Solidarity - Đoàn kết

Đoàn kết là chất keo đặc biệt liên kết ASG để mỗi Cán bộ nhân viên, mỗi Công ty đều là một phần quan trọng trong "hệ thống ASG", cùng chung mục tiêu, chung nhiệt huyết, cùng góp trí tuệ xây dựng Tập đoàn cũng như chia sẻ mọi khó khăn và thành quả đạt được.

#### G: Grow - Phát triển

ASG luôn hướng tới sự phát triển, không chỉ là riêng cho ASG, cổ đông, người lao động mà còn là sự phát triển cho khách hàng, đối tác và cộng đồng. Phát triển vừa là mục tiêu, vừa là nguồn động lực để thúc đẩy "người ASG" nỗ lực, tận tâm, không ngừng vươn lên bắt kịp xu hướng của thị trường và thời đại.



### Chiến lược và định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trung và dài hạn

- » Phát triển dịch vụ logistics nhằm hướng tới chuỗi dịch vụ logistics bao gồm: dịch vụ giao nhận, dịch vụ kho vận (khai thác và quản lý hàng hóa), dịch vụ vận tải đa phương thức và dịch vụ phân phối;
- » Phát triển dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất bao gồm dịch vụ phục vụ hành khách, dịch vụ khai thác sân đỗ,...
- » Mở rộng cung cấp các dịch vụ tiện ích tại nhà ga sân bay đến các cảng hàng không lớn trên cả nước.
- » Phát triển và mở rộng thị trường tại các cảng hàng không quốc tế lớn trên cả nước, cảng biển có vị trí chiến lược thu hút nhiều hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và các khu công nghiệp lớn.
- » Đầu tư và phát triển các khu công nghiệp và hạ tầng logistics nhằm góp phần hoàn thiện chuỗi dịch vụ của hệ thống ASG.



### Mục tiêu phát triển bền vững

- » Phát triển, hoàn thiện cơ sở vật chất, công nghệ;
- » Phát triển loại hình dịch vụ mới trên cơ sở năng lực cung cấp các dịch vụ cốt lõi của Công ty;
- » Phát triển đội ngũ cán bộ nhân viên có đủ năng lực, trình độ nhằm mang lại giá trị gia tăng và tiện ích tối ưu cho khách hàng;
- » Đổi mới, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo đúng tiêu chuẩn đã cam kết với khách hàng;
- » Đảm bảo quyền lợi cho người lao động và gia tăng giá trị cho cổ đông;
- » Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với địa phương, cộng đồng.



## Dấu ấn năm 2022



### HOÀN TẤT THƯƠNG VỤ M&A CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO

Thông qua ASG Logistics, Tập đoàn ASG đã trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Vinafco (VFC), nắm giữ hơn **51,59% số lượng cổ phiếu VFC đang lưu hành.**

VFC là một trong các doanh nghiệp logistics lớn nhất Việt Nam với bề dày lịch sử 35 năm phát triển, là doanh nghiệp thuộc top 10 công ty logistics uy tín nhất Việt Nam. Thêm vào đó, VFC có thế mạnh trong lĩnh vực vận tải hàng hoá đa phương thức, dịch vụ kinh doanh kho bãi, phân phối hàng hoá, vận tải biển với mạng lưới các trung tâm phân phối và dịch vụ trên cả ba miền Bắc Trung Nam. VFC sở hữu những mảnh ghép mà ASG còn thiếu chính là vận tải biển và đường bộ.

Khi đưa VFC gia nhập vào Tập đoàn, ASG đã hoàn thành mục tiêu mở rộng quy mô kinh doanh, đa dạng hóa ngành nghề, hoàn thiện hệ sinh thái logistics cả về chất và lượng. Bên cạnh việc gia tăng sức mạnh của Tập đoàn, nâng tầm dịch vụ logistics, lợi ích tài chính từ VFC cũng được kỳ vọng sẽ nâng cao vị thế của Tập đoàn ASG trên thị trường khi trở thành doanh nghiệp sở hữu chuỗi dịch vụ "vàng" của ngành Logistics. Đây cũng được xem là cú hích mạnh mẽ để Tập đoàn ASG chiếm lĩnh thị phần logistics Việt Nam.



### PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG TRÁI PHIẾU CHO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Ngày 25/05/2022, ASG đã phát hành thành công trái phiếu cho nhóm nhà đầu tư Hàn Quốc tại Việt Nam. Trái phiếu có kỳ hạn 36 tháng và giá trị theo mệnh giá **300 tỷ đồng**. Đợt phát hành này được đánh giá là thành công trong lĩnh vực tài chính của Tập đoàn trên cơ sở:

1. Đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn đầu tư của Tập đoàn.
2. Khẳng định uy tín và kỳ vọng của nhà đầu tư quốc tế về tiềm năng phát triển của Tập đoàn.
3. Lãi suất trái phiếu cố định, góp phần giảm chi phí vốn của Tập đoàn trong bối cảnh lãi suất thị trường tăng.



### RAMẮT BỘ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU MỚI

Ngày 30/12/2022, ASG đã tổ chức lễ công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới với chủ đề **New Vision – New Identity – New Success (Tâm nhìn mới – Nhận diện mới – Thành công mới)**. Việc thay đổi nhận diện thương hiệu nhằm hướng tới mục tiêu tái cấu trúc tổng thể và tổ chức lại hệ thống theo mô hình Tập đoàn, đòi hỏi sự thay đổi về tư duy, thay thế những yếu tố không còn phù hợp hoặc ít hiệu quả bằng những yếu tố mới mẻ có tính tích cực, giúp toàn thể CBNV có sự hiểu biết đầy đủ về Tập đoàn, nhất quán về mục tiêu chung.

Logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới của ASG vừa kế thừa được những tinh hoa, giá trị đã được dày công vun đắp trong suốt lộ trình đã qua, vừa truyền tải được những kỳ

vọng và quyết tâm thành công cháy bỏng cho hành trình phía trước. Việc phát triển và đổi mới thương hiệu ASG đánh dấu bước chuyển mình, nâng cao hơn nữa về hình ảnh, quy mô, tầm vóc, khát vọng thành công, khát vọng chinh phục, tạo lập các giá trị to lớn hơn, ý nghĩa hơn. Không chỉ giúp gia tăng vị thế trên thị trường mà còn đem lại nguồn năng lượng mới dồi dào, nguồn động lực mãnh liệt để hệ thống ASG tiếp tục phát triển, ngày càng lớn mạnh, cùng Quý khách hàng, đối tác chinh phục những tầm cao mới.





# 2

## TỔNG QUAN VỀ ASG

1. Thông tin chung
2. Quá trình hình thành, phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh



## Thông tin chung

<b>Tên giao dịch:</b>	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:</b>	0104960269 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 10 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 06 tháng 08 năm 2021.
<b>Vốn điều lệ:</b>	<b>756.538.910.000 đồng</b> (bằng chữ: Bảy trăm năm mươi sáu tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, chín trăm mười nghìn đồng).
<b>Trụ sở:</b>	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.
<b>Số điện thoại:</b>	(84-24) 3761 6688
<b>Số fax:</b>	(84-24) 3772 8668
<b>Website:</b>	www.asg.net.vn
<b>Mã chứng khoán:</b>	<b>ASG</b> (HOSE)



## Quá trình hình thành, phát triển

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, quy mô hệ thống ASG đã được mở rộng trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam với **23 CÔNG TY CON, 1 CHI NHÁNH** và **HƠN 2.000 CÁN BỘ, NHÂN VIÊN**.

- **22/10/2010**  
Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Interseco – IPX – tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG.
- **30/10/2012**  
Đổi tên thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay.
- **18/04/2013**  
Thành lập Công ty TNHH MTV ALS Thái Nguyên (ALST). Nay là Công ty Cổ phần Logistics ASG (ASGL).
- **08/01/2015**  
Công ty chính thức sử dụng thương hiệu ASG.
- **28/12/2015**  
Trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (CIAS).
- **30/12/2015**  
Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (AGS).



- **25/03/2016**  
Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn (ASGS).
- **05/07/2016**  
Thành lập Chi nhánh Thái Nguyên (ASGTN).
- **21/09/2016**  
Thành lập Công ty TNHH ALS Thành phố Hồ Chí Minh (ALSH).
- **22/12/2016**  
Thành lập Chi nhánh Bắc Ninh (ASGBN).
- **04/05/2018**  
Chính thức trở thành công ty đại chúng.

- **22/06/2018**  
Nâng tỷ lệ sở hữu tại CIAS lên 51%. CIAS trở thành công ty con của ASG.
- **25/10/2018**  
Thành lập Công ty Cổ phần Giao nhận A Plus (APLUS).
- **30/11/2018**  
Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU (ASGU).
- **09/08/2019**  
Thành lập Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG (ASGI).
- **03/09/2019**  
Đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG.
- **23/04/2020**  
Tăng vốn điều lệ lên 630,4 tỷ đồng.



- **24/06/2020**  
Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG (ASGA).
- **24/09/2020**  
Niêm yết cổ phiếu ASG tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
- **22/10/2020**  
Kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG.
- **01/03/2021**  
Thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội; Chấm dứt hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Thái Nguyên.
- **06/08/2021**  
Tăng vốn điều lệ lên 756,5 tỷ đồng.
- **27/05/2022**  
Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Vinafco (VFC) lên trên 51%. VFC trở thành công ty con của ASG.



## Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### Ngành nghề kinh doanh chính

#### 1. Dịch vụ logistics bao gồm các nhóm dịch vụ:

Kho hàng không kéo dài; khai thác và chấp nhận hàng hàng không; dịch vụ quản lý và phân phối hàng hóa; dịch vụ vận tải hàng hóa đường biển, đường bộ; dịch vụ quản lý kho hàng hóa và cho thuê kho bãi; dịch vụ khai thuê hải quan,...



#### 2. Dịch vụ hàng không sân bay bao gồm các nhóm dịch vụ:

Phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; nhà ga hàng hóa; phòng khách hạng thương gia; phục vụ ăn uống và bán lẻ tại nhà ga hàng không; dịch vụ vận chuyển tổ bay và hành khách sân bay; dịch vụ bán hàng miễn thuế;...

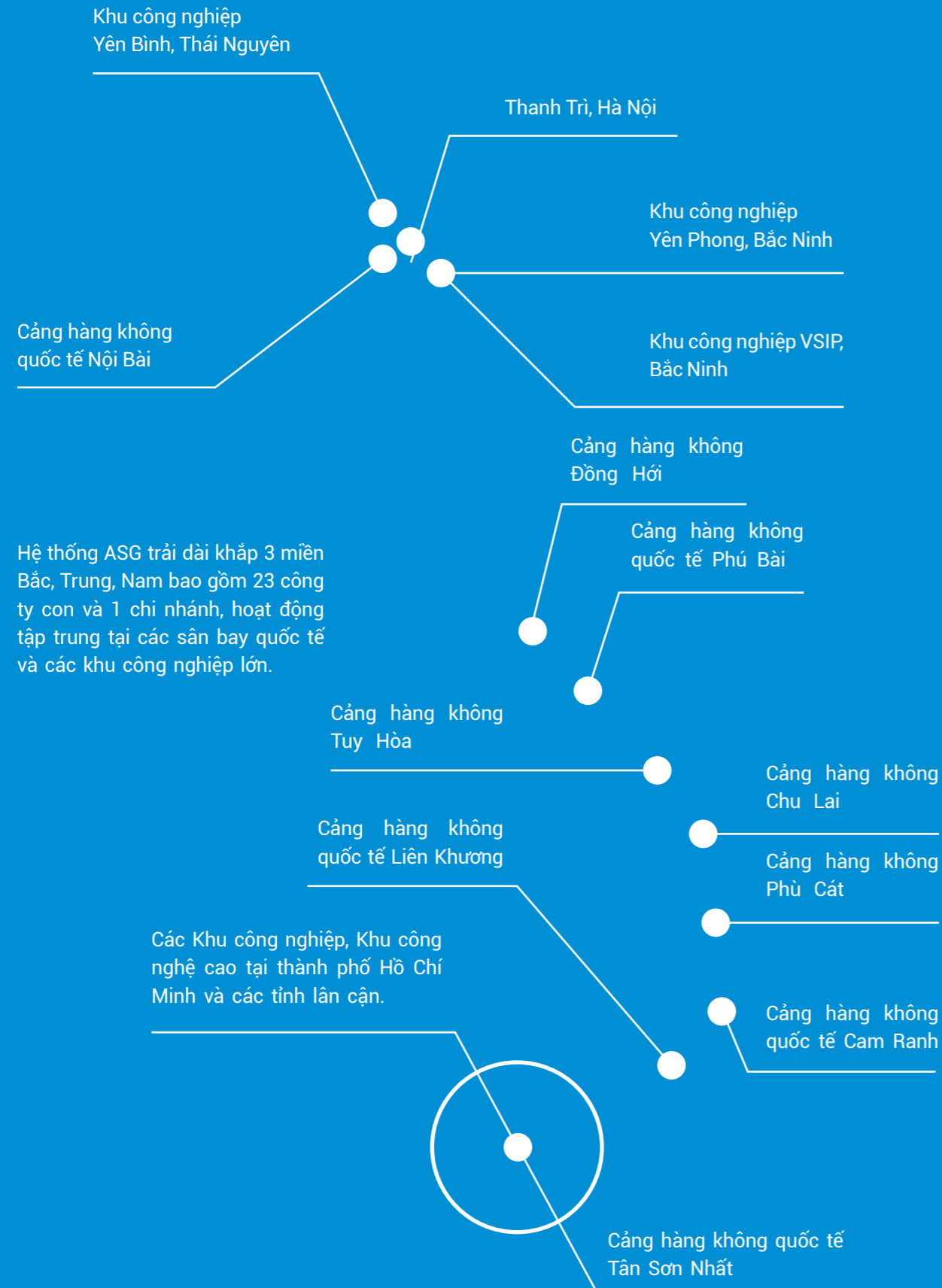


#### 3. Đầu tư hạ tầng và phát triển khu công nghiệp:

Kinh doanh bất động sản khu công nghiệp, quyền sử dụng đất; xây dựng kho bãi cho thuê;...



## Địa bàn hoạt động



## Chuỗi dịch vụ

### 1. Dịch vụ logistics

Hiện nay, ASG đã xây dựng và khai thác hệ thống các kho hàng không kéo dài và các khu dịch vụ logistics tại các Cảng hàng không, khu công nghiệp lớn; cung cấp dịch vụ logistics đa dạng, chất lượng từ quản lý kho hàng hóa, vận tải đến dịch vụ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng là những công ty sản xuất công nghệ cao và các công ty giao nhận hàng đầu trên thế giới.

Cùng với việc đưa VFC trở thành thành viên của Tập đoàn, ASG đã thực hiện được mục tiêu mở rộng quy mô kinh doanh, đa dạng hóa ngành nghề, hoàn thiện hệ sinh thái logistics cả về chất và lượng với đầy đủ 3 lĩnh vực mũi nhọn: hàng không, vận tải đường bộ, vận tải biển. Đây cũng được xem là cú hích mạnh mẽ để Tập đoàn ASG chiếm lĩnh thị phần logistics Việt Nam.

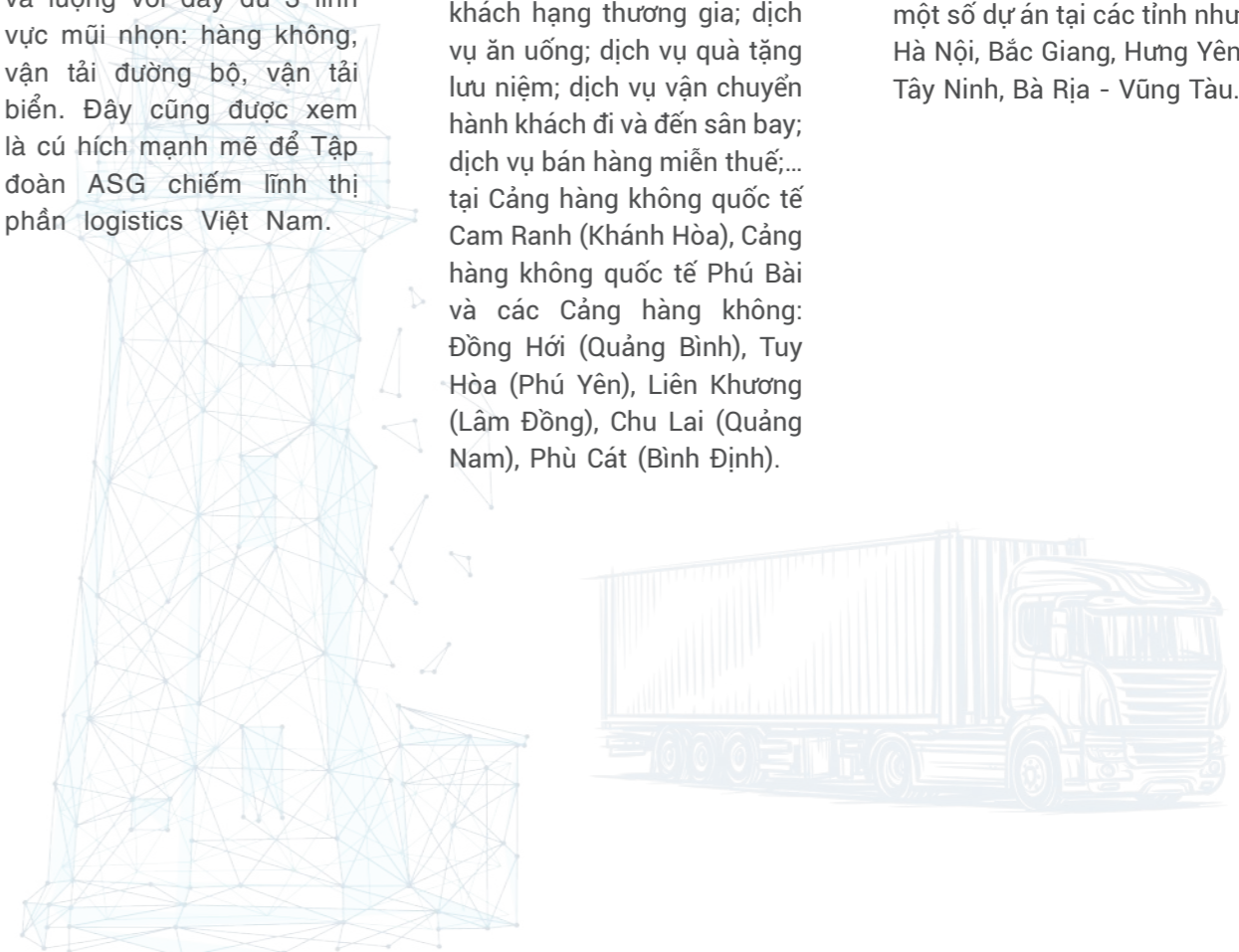
### 2. Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và tiện ích tại nhà ga sân bay

Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (AGS) cung cấp dịch vụ cho các hãng Hàng không khai thác đường bay đi và đến sân bay quốc tế Cam Ranh như: Vietnam Airlines, Pacific Airlines, China Southern Airlines, Hong Kong Express Airways, Jeju Air, Silk Air,... và các đối tác sở hữu chuyến bay thuê chuyến thương mại (charter). Các dịch vụ chính: dịch vụ hành khách và hành lý; dịch vụ sân đỗ; dịch vụ hàng hóa; các dịch vụ VIP;...

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (CIAS) cung cấp các dịch vụ phòng khách hạng thương gia; dịch vụ ăn uống; dịch vụ quà tặng lưu niệm; dịch vụ vận chuyển hành khách đi và đến sân bay; dịch vụ bán hàng miễn thuế;... tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh (Khánh Hòa), Cảng hàng không quốc tế Phú Bài và các Cảng hàng không: Đồng Hới (Quảng Bình), Tuy Hòa (Phú Yên), Liên Khương (Lâm Đồng), Chu Lai (Quảng Nam), Phù Cát (Bình Định).

### 3. Đầu tư hạ tầng và phát triển khu công nghiệp

Với sứ mệnh tạo lập và phát triển các khu công nghiệp quy mô, tiện ích và hệ thống hạ tầng logistics hiện đại, Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG (ASGI) định hướng là nhà phát triển hạ tầng công nghiệp chuyên nghiệp và bền vững, trở thành đối tác tin cậy, uy tín của các nhà đầu tư, nhà sản xuất công nghiệp hàng đầu ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Hiện nay, Công ty ASGI đang nghiên cứu đầu tư một số dự án tại các tỉnh như: Hà Nội, Bắc Giang, Hưng Yên, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu.



# Danh mục các dịch vụ chính của tập đoàn

## DỊCH VỤ LOGISTICS



Ga hàng hóa hàng không



Ga hàng hóa hàng không kéo dài



Khai thác, chấp nhận hàng hàng không



Kho bãi & phân phối



Vận tải biển



Vận tải đường bộ



Cảng thủy tổng hợp & TT logistics



Giao nhận

## DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG, SÂN BAY



Dịch vụ hàng khách & hành lý



Dịch vụ sân đỗ



Kiểm soát tải, thông tin liên lạc và điều hành bay



Dịch vụ hàng hóa



Các dịch vụ vip



Khách sạn & nghỉ dưỡng



Phòng khách hạng thương gia



Dịch vụ tiện ích khác tại sân bay: F&B, quà tặng, đưa đón tổ bay

## ĐẦU TƯ HẠ TẦNG, PHÁT TRIỂN KCN



Đầu tư hạ tầng KCN



Đầu tư hạ tầng cụm CN



Đầu tư hạ tầng Logistics



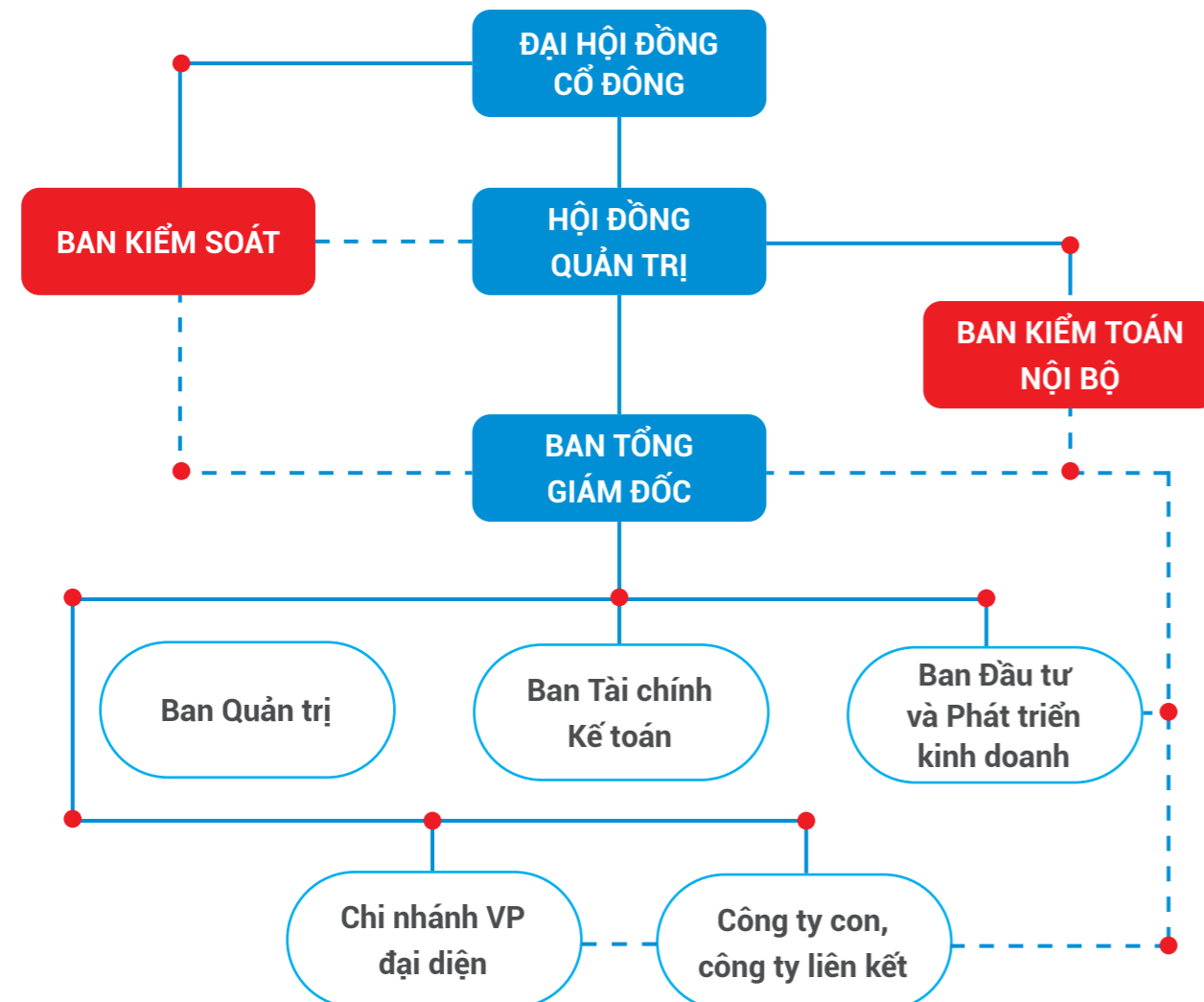
Đầu tư nhà xưởng kho bãi cho thuê



## Mô hình quản trị, tổ chức bộ máy quản lý

### Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản trị

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG xây dựng cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.



## Các Ban nghiệp vụ của Công ty

### Ban Tài chính - Kế toán

Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Lãnh đạo Công ty trong việc quản lý điều hành công tác tài chính, kế toán. Ban Tài chính Kế toán thực hiện nhiệm vụ xây dựng chiến lược, kế hoạch và chính sách tài chính trung và dài hạn; tham gia xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD; quản lý, kiểm soát chặt chẽ phần vốn góp của Công ty vào các công ty con, công ty liên kết; hạch toán kế toán, thống kê các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; thực hiện việc kiểm soát chi phí; xây dựng và vận dụng hiệu quả các công cụ tài chính giúp huy động các nguồn lực tài chính để đảm bảo cân đối và sử dụng hiệu quả nguồn vốn phục vụ cho các hoạt động SXKD theo quy định của Công ty, Luật Kế toán và các quy định khác có liên quan.

### Ban Đầu tư và Phát triển kinh doanh

Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Lãnh đạo Công ty trong công tác đầu tư, quản lý và điều phối các nguồn lực của Công ty; tìm kiếm và đề xuất các cơ hội phát triển hoạt động đầu tư, kinh doanh. Ban Đầu tư và Phát triển Kinh doanh thực hiện nhiệm vụ xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư trung và dài hạn; thẩm định, đề xuất và thực hiện phương án đầu tư; giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư; quản lý và phân bổ nguồn vốn đầu tư và tài sản.

### Ban Quản trị

Có chức năng tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty về công tác tổ chức nhân sự; quản trị hành chính, công nghệ thông tin và quản lý tài sản. Ban Quản trị có nhiệm vụ xây dựng chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ cho người lao động, xây dựng kế hoạch và thực hiện các kế hoạch tuyển dụng, đào tạo; quản lý tài sản, thực hiện việc sửa chữa bảo dưỡng tài sản và các công tác kỹ thuật nhằm đảm bảo nguồn lực về nhân sự, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các Chi nhánh trực thuộc.

### Ban Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng hiệu suất trong việc thực thi trách nhiệm được giao và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện để đạt được mục tiêu và mục đích của Công ty.

## Thông tin về công ty con, công ty liên kết

### Danh sách công ty con trực tiếp

STT	Danh sách	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Logistics ASG	ASGL	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, Phường Đồng Tiến, Thành phố Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên.	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics.	99,93%
2	Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	ASGI	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.	Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	100%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG	ASGA	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.	Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;...	100%
4	Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	ASL	Tầng 4, Tòa nhà NTS, Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.	Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa	74,50%

### Danh sách công ty con gián tiếp

STT	Danh sách	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH ALS Thành phố Hồ Chí Minh	ALSH	Tòa nhà Hải Âu, số 39B Trường Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics.	59,96%
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn	ASGS	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics.	97,97%
3	Công ty TNHH Vận tải ASG	ASGT	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, Phường Đồng Tiến, Thành phố Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	99,93%
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU	ASGU	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, Phường Đồng Tiến, Thành phố Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên.	Dịch vụ logistics phục vụ các loại hàng hóa, trang thiết bị đặc biệt,...	50,97%
5	Công ty Cổ phần Vinafco	VFC	Thôn Tụ Khoát, xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.	Vận tải, giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi.	51,55%
6	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco	VFC T&S	Số 33C, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.	Vận tải, giao nhận hàng hóa.	51,55%
7	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco	VFC VTB	Thôn Tụ Khoát, xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.	Vận tải, giao nhận hàng hóa.	34,10%
8	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco		Số 33C, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.	Vận tải, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi.	51,55%
9	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ		Số 2/254 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng.	Vận tải, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi.	51,55%

STT	Danh sách	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
10	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương		Lô N, đường số 26, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.	Vận tải, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi.	51,55%
11	Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng		Đường số 5A, Khu công nghiệp Hòa Cầm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.	Vận tải, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi.	51,55%
12	Công ty TNHH MTV Vinafco Hậu Giang		Cụm công nghiệp tập trung Đông Phú - giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.	Vận tải, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi.	51,55%
13	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung		T.Cương Trung C, Xã Tiến Hóa, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình.	Vận tải, giao nhận hàng hóa.	51,55%
14	Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	AGS	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất.	72,73%
15	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	CIAS	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.	Cung cấp các dịch vụ: Bán hàng miễn thuế, mỹ nghệ, lưu niệm; phục vụ khách hạng thương gia tại phòng khách hạng thương gia; bán hàng ăn uống; đưa đón khách sân bay;...	54,54%
16	Công ty TNHH Thương mại Hàng không Cam Ranh	CATC	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ thương mại hàng không.	54,54%
17	Công ty TNHH Nhà ga Hàng hóa Cam Ranh	CRCT	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa.	54,54%
18	Công ty Cổ phần Miễn thuế cửa khẩu quốc tế IDF	IDF	Số 027, Tổ 2, Đường Hưng Hóa, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	Bán lẻ hàng hóa, thực phẩm,....	35,45%
19	Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang	HGT	Cổng số 2, 86 Đường Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng, đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất...	60,00%

## Danh sách công ty liên kết

STT	Danh sách	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
1	CTCP Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội	HASTCO	Tầng 3, tòa nhà NTS, Cảng HKQT Nội Bài, Xã Phú Cường, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.	Dịch vụ thương mại, du lịch.	27,13%
2	CTCP Dịch vụ Hàng không Sài Gòn	SACS	Tầng 01, Tòa nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.	Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Sửa chữa máy móc, thiết bị.	47,03%
3	Công ty Cổ phần Logistics AGH	AGHL	Nhà 163, phố Hoàng Cầu, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, vận tải hàng không, vận tải đường thủy.	47,57%
4	Công ty Cổ phần HANA-DH TLS	HANA-DH TLS	Lô G4, Khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Dịch vụ đóng gói.	10,19%
5	Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh		Ấp Bùng Bình, Xã Hưng Thuận, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải và các dịch vụ logistics.	20,99%
6	Công ty TNHH Logistics HTNS - Vinafco		Lô CN10-02, KCN Yên Phong, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh.	Vận tải, cho thuê kho bãi.	25,73%
7	Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam		Tòa Chelsea Residences, Số 48 Trần Kim Xuyến, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.	Cung cấp giải pháp vận chuyển, dịch vụ giao hàng nhanh.	20,94%



## Rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

### Rủi ro kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Do đó hoạt động kinh doanh của ASG cũng chịu ảnh hưởng của những nhân tố kinh tế vĩ mô. Tuy những yếu tố rủi ro kinh tế nằm ngoài khả năng điều chỉnh của ASG, nhưng Công ty đã thiết lập và duy trì hệ thống nhận diện, dự báo, đánh giá đối với các kịch bản rủi ro có thể xảy ra, đó là cơ sở để điều chỉnh lại các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, hạn chế tối đa ảnh hưởng của các rủi ro này.



### Rủi ro về chính sách pháp luật

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công ty, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của Công ty. Hiện tại, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh lớn của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thuế, Luật Hàng không dân dụng và các văn bản dưới luật liên quan khác.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty liên tục cập nhật những thay đổi về các quy định của luật pháp liên quan đến hoạt động, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời trong các quy định, chính sách của Công ty. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật liên quan.



### Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, ngày càng nhiều các doanh nghiệp mới tham gia vào chuỗi dịch vụ hàng không và dịch vụ logistics. Chiến lược cạnh tranh phổ biến của các doanh nghiệp mới là hạ giá dịch vụ để kéo khách hàng, điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến thị phần và tỷ suất sinh lời của ASG. Bên cạnh đó, các đối thủ cạnh tranh cũng tạo sức ép lên hạ tầng chung của ngành hàng không và ngành logistics vốn đang trong tình trạng quá tải, khiến tình trạng chung của ngành thêm khó khăn.

Trước áp lực đó, ASG nhanh nhạy thích ứng với chiến lược tối ưu hóa chuỗi dịch vụ khép kín, cung cấp dịch vụ chất lượng cao tới các khách hàng. Bên cạnh đó, ASG không ngừng tìm kiếm các cơ hội kinh doanh, đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng: kho bãi, phương tiện vận tải, hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao năng lực, chuyên môn của đội ngũ CBNV,... Ngoài ra, ASG chú trọng đến việc tích hợp và hỗ trợ chéo của các Công ty trong hệ thống nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh.

### Rủi ro về biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu

Giá xăng dầu có biến động lớn trong năm 2022: 06 tháng đầu tăng rất mạnh nhưng giảm dần và ổn định hơn ở trong nửa cuối năm. Biến động giá xăng dầu và các khoản phí có liên quan ảnh hưởng trực tiếp tới mảng kinh doanh vận tải của Công ty. Để giảm các rủi ro ảnh hưởng từ biến động giá nhiên liệu, ASG triển khai các hoạt động để giảm thiểu ảnh hưởng từ rủi ro này bằng nhiều chương trình hành động khác nhau như: xây dựng và cập nhật định mức tiêu hao nhiên liệu; thường xuyên kiểm tra kỹ thuật, tiến hành bảo dưỡng đội xe; triển khai chương trình tiết kiệm nhiên liệu;...

### Rủi ro bất khả kháng

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về dịch bệnh hiểm nghèo, động đất, hỏa hoạn, hạn hán, bão lụt, chiến tranh... Công ty luôn chủ động để đưa ra những giải pháp ứng phó kịp thời, đảm bảo an toàn cho người lao động, an toàn tài chính, tránh những thiệt hại có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh.



# 3

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Tổng quan thị trường kinh doanh
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo tình hình tài chính
4. Báo cáo tình hình đầu tư
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động
7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



## Tổng quan thị trường kinh doanh

### Kinh tế vĩ mô

Kinh tế – xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ.

Tuy vậy, nền kinh tế trong nước năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội, tạo được sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Một số ngành đã có mức tăng trưởng cao hơn năm trước khi có dịch Covid-19.

### Ngành hàng không

Hàng không Việt Nam phát triển khá nhanh trong hai thập kỷ qua. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 cắt đứt đà phát triển này khiến hai năm qua, cấu trúc của ngành hàng không thay đổi theo hướng bất lợi. Sản lượng khai thác của thị trường hàng không Việt Nam giảm sút mạnh, thanh khoản của doanh nghiệp giảm nhanh và sâu, dòng tiền mất cân đối, nhiều lao động của ngành bị cắt giảm hoặc mất việc làm.

Theo dự báo của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA) về thị trường hàng không toàn cầu, sản lượng luân chuyển hành khách quốc tế năm 2023 dự kiến bằng 80% so năm 2019 và nội địa đạt khoảng 95% so năm 2019.

Tuy nhiên tốc độ hồi phục tại các khu vực khác nhau trong đó khu vực Châu Á-Thái Bình Dương được dự báo là phục hồi chậm nhất. Doanh thu vận tải hành khách dự báo tăng và ngành hàng không toàn cầu sẽ có lãi trở lại.

Đối với Việt Nam, ngành hàng không đã phục hồi và hết năm 2022 thị trường hàng không nội địa đã phục hồi hoàn toàn, có sự tăng trưởng cao so với giai đoạn năm 2019. Thị trường quốc tế đang dần dần hồi phục và dự báo sẽ đạt được mức 2019 vào cuối năm 2024.



### Ngành logistics

Theo bảng xếp hạng của Agility 2022, thị trường logistics Việt Nam được xếp hạng thứ 11 trong nhóm 50 thị trường logistics mới nổi toàn cầu. Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) giai đoạn 2022 - 2027 của thị trường được dự báo đạt mức 5,5%, song hành cùng với sự phục hồi mạnh mẽ của cả nền kinh tế sau đại dịch COVID-19.

Theo đó, Việt Nam hiện là quốc gia đứng đầu trong các nước ASEAN về số lượng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics được Cơ quan Quản lý hoạt động hàng hải của Mỹ (FMC) cấp phép.

Số lượng và chất lượng dịch vụ logistics được nâng cao, qua đó giúp xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ chiếm tỷ lệ ngày càng cao so với quy mô GDP, tăng từ 72,9% năm 2015 lên 93,3% năm 2021.

Khối lượng vận tải hàng hóa của Việt Nam liên tục tăng ở mức cao trong giai đoạn từ 2015 tới nay, bình quân khoảng 17%/năm, từ mức 1,15 tỉ tấn (2015) lên 1,64 tỉ tấn (2021), đóng góp của lĩnh vực logistics vào GDP hằng năm ở mức 4 - 5%.

## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.980	1.740	722	113,76%	274,12%
2	Lợi nhuận trước thuế	202	166	59	121,36%	339,77%
3	Lợi nhuận sau thuế	152	130	35	117,36%	436,88%
4	Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	90	80	60	112,50%	150,32%

### Các kết quả đạt được trong năm

Sau khi hợp nhất kết quả kinh doanh của nhóm VFC và các công ty con, kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn đạt mức tăng trưởng vượt trội so với năm 2021. Nhìn chung, doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn năm 2022 đều vượt chỉ tiêu mà Đại hội

đồng cổ đông đã phê duyệt: tổng doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ đạt 1.980 tỷ, hoàn thành 114% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 152 tỷ, hoàn thành 117% kế hoạch.

### Sản lượng

106.082 tấn	112.755 tấn	114.707 teus	5.330 chuyến	Năm 2022
131.213 tấn	141.399 tấn	112.096 teus	1.946 chuyến	
Dịch vụ hàng hóa hàng không	Dịch vụ vận tải hàng hoá hàng không	Dịch vụ vận tải biển	Dịch vụ phục vụ mặt đất hàng không	

## Báo cáo tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty luôn được duy trì lành mạnh, hiệu quả. **Tổng tài sản thời điểm 31/12/2022 là 3.031 tỷ đồng; tăng 42% so với thời điểm 31/12/2021.** Công ty không bị mất cân đối vốn, nguồn vốn chủ sở hữu và nợ dài hạn đủ để tài trợ cho toàn bộ tài sản dài hạn và một phần tài sản ngắn hạn.

Các hệ số nợ đều ở mức an toàn, hợp lý, các khoản vay nợ chủ yếu là các khoản vay trung dài hạn đầu tư tài sản cố định, nhà kho, trang thiết bị, phương tiện vận tải và tăng quy mô vốn hoạt động.



## Các thông tin tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	2022	2021	Tăng trưởng
Tổng giá trị tài sản	3.031	2.139	41,72%
Tổng giá trị vốn chủ sở hữu	1.825	1.379	32,29%
Doanh thu thuần	1.980	722	174,09%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	203	59	243,12%
Lợi nhuận trước thuế	202	59	239,77%
Lợi nhuận sau thuế	152	35	336,88%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	90	60	50,32%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	-	-	-

## Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
» Hệ số thanh toán ngắn hạn			
◊ Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	2,90	1,51
» Hệ số thanh toán nhanh			
◊ (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	2,84	1,48
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
» Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,40	0,35
» Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,66	0,55
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
» Vòng quay hàng tồn kho			
◊ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	vòng/kỳ	67,52	38,47
» Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng/kỳ	0,65	0,34
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	lần	0,08	0,05
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	lần	0,08	0,03
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	lần	0,05	0,02
» Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	lần	0,10	0,08

## Chỉ tiêu khác

Chỉ tiêu	2022	2021
Tài sản cố định/Tổng tài sản	17,66%	15,71%
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	57,33%	29,32%
Nợ/Vốn CSH	66,09%	55,04%
Nợ/TTS	39,79%	35,50%
Nợ NH/TTS	19,79%	19,40
Nợ DH/TTS	20,00%	16,10%
Biên lợi nhuận gộp	18,42%	25,03%
Biên LNST	7,69%	4,82%
ROA	2,97%	2,80%
ROE	4,94%	4,35%
Hệ số thanh toán hiện hành	2,90	1,51
Hệ số thanh toán nhanh	2,84	1,48
Vòng quay khoản phải thu	7,19	5,01
Vòng quay khoản phải trả	9,69	6,67
Vòng quay hàng tồn kho	67,12	38,47
Số ngày khoản phải thu	50,74	72,84
Số ngày khoản phải trả	37,68	54,74
Số ngày hàng tồn kho	5,44	9,49

## Báo cáo tình hình đầu tư

Tổng giá trị đầu tư trong năm 2022 của Tập đoàn là **trên 300 tỷ** đồng trong đó:

- » Thông qua công ty con, ASG đã thực hiện nâng tỷ lệ sở hữu tại VFC lên **trên 51%**
- » Công ty đã đầu tư máy móc, trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực Logistics.
- » Đối với lĩnh vực Hàng không - Sân bay, đầu tư các địa điểm kinh doanh mới tại các cảng hàng không.



## Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Cơ cấu cổ đông

Số lượng cổ phần đang lưu hành: **75.653.891 cổ phần**

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: **0 cổ phần**

Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông CTCP Tập đoàn ASG tại ngày 30/12/2022):

Cơ cấu cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>1. Cổ đông lớn/Cổ đông nhỏ</b>	<b>75.653.891</b>	<b>100%</b>
» Cổ đông lớn	24.747.252	32,7%
» Cổ đông nhỏ	50.906.639	67,3%
<b>2. Cổ đông nhà nước/Cổ đông khác</b>	<b>75.653.891</b>	<b>100%</b>
» Cổ đông nhà nước	-	0%
» Cổ đông khác	75.653.891	100%
<b>3. Cổ đông tổ chức/Cổ đông cá nhân</b>	<b>75.653.891</b>	<b>100%</b>
» Cổ đông tổ chức	20.401.438	27,0%
» Cổ đông cá nhân	55.252.453	73,0%
<b>4. Cổ đông trong nước/Cổ đông nước ngoài</b>	<b>75.653.891</b>	<b>100%</b>
» Cổ đông trong nước	75.011.183	99,2%
» Cổ đông nước ngoài	642.708	0,8%

### Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2022, số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty không thay đổi.

## Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động

Cấu trúc quản trị của Công ty được xây dựng trên nền tảng tổ chức tinh gọn, đa nhiệm, đồng thời vận hành theo cơ chế phân quyền linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo các chuẩn mực về quản trị theo mô hình Tập đoàn.

Trong năm 2022, Công ty đang từng bước áp dụng những hệ thống phần mềm quản lý như quản lý thông tin nhân sự, quản lý nhu cầu tuyển dụng, quản

lý hiệu quả làm việc, quản lý tài nguyên văn phòng... Với cơ sở là mô hình vận hành được xây dựng khoa học, thông tin về cơ cấu tổ chức được chi tiết đến từng vị trí công việc, việc ứng dụng phần mềm trong vận hành đã, đang và sẽ hỗ trợ hiệu quả trong việc nâng cao năng suất lao động, tinh giản thủ tục hành chính và tăng cường sự minh bạch, chính xác.

### Chính sách chung

Năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực lên nền kinh tế nói chung và ASG nói riêng. Trong bối cảnh đó, việc Công ty vẫn nỗ lực thực hiện đầy đủ các chính sách đãi ngộ, phúc lợi nhân sự đã thể hiện rõ cam kết đồng hành bền vững của ASG trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực.



### Chế độ làm việc

Yếu tố con người luôn được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng quan tâm và được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự phát triển của ASG. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng hóa hàng không, giờ giấc làm việc ảnh hưởng tới nhịp sinh học cơ thể và tác động không nhỏ tới năng suất lao động, vì vậy công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ nhân viên luôn là quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty.

Các chính sách và quy định về thời gian làm việc của Công ty được xây dựng dựa trên tiêu chí đảm bảo quyền lợi và sức khỏe cao nhất cho cán bộ nhân viên. Căn cứ vào từng giai đoạn khai thác trong năm (mùa cao điểm – thấp điểm), nhân sự trong công ty sẽ được sắp xếp – bố trí hợp lý trên tinh thần tự nguyện – cân đối với những giới hạn cho phép theo quy định pháp luật, qua đó vừa đáp ứng kế hoạch khai thác, vừa ổn định thể chất và tinh thần cho người lao động.



### Điều kiện làm việc

ASG luôn đảm bảo vệ sinh an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Cơ sở vật chất công sở liên tục được ASG tập trung đầu tư và nâng cấp với thiết kế tiện dụng, tối ưu công năng. Trang thiết bị làm việc cũng được đầu tư một cách đồng bộ, tiện nghi nhằm duy trì không gian làm việc sạch sẽ, thoáng đãng, ngăn nắp. Ngoài ra, Công ty cũng bố trí không gian nghỉ ngơi, cung cấp đồ uống miễn phí phục vụ nhu cầu của Cán bộ nhân viên.

Cán bộ nhân viên được trang bị đồng phục, bảo hộ lao động và các công cụ dụng cụ cần thiết theo công việc nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình SXKD.



### Chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi

ASG luôn chú trọng xây dựng và phát triển các chính sách lương, thưởng phù hợp với định hướng phát triển tại từng thời kỳ nhằm tối ưu hóa năng suất lao động. Chính sách đãi ngộ luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo điều kiện cho người lao động ổn định cuộc sống và gắn bó lâu dài với công ty. Hàng năm, Công ty tổ chức đánh giá, xét nâng lương cho người lao động trên cơ sở mức độ cống hiến và thời gian công tác của từng cá nhân.

Các chính sách bảo hiểm – chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm phòng ngừa tai nạn rủi ro cũng được ASG đặc biệt quan tâm. Theo đó, Cán bộ nhân viên được hỗ trợ tài chính từ đối tác bảo hiểm đối với những quyền lợi bảo hiểm nội trú và ngoại trú... theo quy định tại mỗi gói bảo hiểm.

### Chính sách đào tạo

ASG luôn xác định đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là yếu tố then chốt đối với sự phát triển của Công ty. Công tác phát triển nhân lực luôn được ưu tiên thông qua hoạt động đào tạo. Cán bộ nhân viên của ASG được trang bị những kiến thức nền tảng về hàng hóa, an toàn an ninh hàng không và kiến thức chuyên môn sâu liên quan tới các chủng loại hàng hóa đặc biệt, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe của IATA, Cục Hàng không Việt Nam và Quy chế an ninh hàng không đã ban hành.

Định kỳ hàng năm, cán bộ nhân viên được tham gia đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng quản lý, nâng cao nghiệp vụ, cập nhật kiến thức chuyên môn, đảm bảo an ninh an toàn cho hàng hóa, hành khách trong lĩnh vực hàng không và an toàn vệ sinh lao động.

### Chính sách tuyển dụng

Công tác thu hút người tài giỏi, có năng lực và văn hóa phù hợp được ASG đặc biệt coi trọng. Nhân sự được tuyển dụng thông qua hình thức đăng tuyển công khai và được đánh giá dựa trên năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Mỗi chức danh đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng chi tiết, có mô tả công việc cụ thể và được thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Công ty. Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp luôn công bằng cho mọi đối tượng dựa trên lộ trình nghề nghiệp cụ thể với các tiêu chuẩn công khai và minh bạch.

## Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

ASG hướng tới sự phát triển bền vững, tăng trưởng hiệu quả thông qua việc sử dụng tối ưu các nguồn lực kết hợp với việc giảm thiểu ô nhiễm và tác động môi trường nhằm đem lại các lợi ích cho khách hàng, cổ đông và nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội.

### Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

ASG tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng. Các hoạt động như lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, quan trắc môi trường và quản lý chất thải luôn được ASG triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và không để xảy ra bất cứ sai phạm nào. Chất thải rắn, lỏng và chất thải nguy hiểm trong quá trình khai thác hàng hóa, cung cấp dịch vụ đều được thu gom, vận chuyển và xử lý bởi các đối tác có chức năng và được Nhà nước cấp phép hoạt động. Nước thải sinh hoạt đều được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải như hệ thống xử lý nước thải BASTAF tại các nhà kho, văn phòng trước khi thải ra môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tiến hành đầu tư, thay thế các trang thiết bị ít ô nhiễm môi trường như: xe nâng điện, cày tay điện...

### Khối lượng tiêu thụ năng lượng và lượng nước sử dụng trong năm

ASG đặt mục tiêu tối ưu hoá việc sử dụng nhiên liệu, năng lượng và tiêu thụ nước trong quá trình vận hành của toàn Tập đoàn nhằm hướng tới việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

### Các hoạt động, chương trình bảo vệ môi trường

Thông qua các hoạt động như tuân thủ pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, xử lý chất thải, tiết kiệm tài nguyên, Công ty đã và đang nghiêm túc thể hiện trách nhiệm xã hội trong công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty luôn chú trọng thực hiện công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của Cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng. Công tác truyền thông được triển khai rộng rãi vào các ngày lễ về môi trường góp phần giữ gìn môi trường xanh.



## Các hoạt động từ thiện

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn ASG đã triển khai những hoạt động thiết thực đối với trách nhiệm cộng đồng. Cụ thể:

- » Nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 01/06/2022, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh (CIAS) đã phối hợp cùng các phòng chức năng tổ chức thăm hỏi và tặng quà các cháu thiếu nhi ở Mái Ấm Thừa Sai và Mái ăm Hi Vọng thuộc huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa - nơi nuôi dưỡng cư mang các cháu thuộc nhiều lứa tuổi, không may bị dị tật bẩm sinh hoặc chậm phát triển trí tuệ. Được sự quan tâm của Lãnh đạo Công ty cùng sự góp sức của các đơn vị là đối tác cung cấp hàng hóa, Công ty CIAS đã gửi tặng hai mái ấm tổng cộng 400 kg gạo, 40 thùng mì tôm và mỗi mái ấm 01 máy giặt cùng

nhiều phần quà và nhu yếu phẩm. Đại diện các cán bộ nhân viên CIAS đã dành thời gian cùng các cháu trò chuyện, trao những phần quà ý nghĩa cùng những cái ôm ấm áp, đầy tình yêu thương.

- » Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu Công nghiệp ASG (ASGI) đã có hoạt động ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa tới đơn vị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội. Bên cạnh đó, ngày 13/07/2022, Công ty đồng thời đã ủng hộ 55 phần quà tới 55 gia đình, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, cận nghèo trên địa bàn xã Mai Đình, mong muốn góp phần nào giúp các hộ bớt khó khăn và trao đi nhiều hơn yêu thương trong cuộc sống.







# BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty
2. Kế hoạch phát triển năm 2023

LỄ RA MẮT HỆ THỐNG NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU TẬP ĐOÀN ASG

**NEW** VISION  
IDENTITY  
SUCCESS

HÀ NỘI, NGÀY 23 THÁNG 10 NĂM 2022



## Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

### Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kinh tế - xã hội trong nước năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn: lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ; cùng với biện pháp thắt chặt chính sách tiền tệ là chi phí vốn tăng phi mã; nhu cầu tiêu dùng ở các nền kinh tế lớn sụt giảm mạnh.

#### Hoạt động kinh doanh

- » Công ty luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng trên cơ sở đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBNV.
- » Công ty áp dụng các biện pháp phát triển kinh doanh nhằm mở rộng dịch vụ bằng việc thúc đẩy tăng trưởng thông qua gia tăng đầu tư, cung cấp đa dạng dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ.
- » Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng không nhỏ từ những biến động kinh tế - chính trị. Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Công ty đã có những biện pháp kịp thời để thích ứng và hoàn thành tốt kế hoạch kinh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã đề ra, cụ thể:
  - ◊ Doanh thu hợp nhất: Đạt 1.980 tỷ, hoàn thành 114% kế hoạch
  - ◊ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: Đạt 152 tỷ, hoàn thành 117% kế hoạch

Trước những biến động về môi trường kinh doanh, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động triển khai quyết liệt các giải pháp thực hiện chủ trương, định hướng nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện có hiệu quả phương châm "không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả".

#### Hoạt động tài chính

- » Trong năm 2022, Công ty đã phát hành thành công trái phiếu cho nhóm các nhà đầu tư Hàn Quốc:
  - ◊ Giá trị trái phiếu đã phát hành theo mệnh giá: 300 tỷ đồng
  - ◊ Kỳ hạn: 36 tháng
  - ◊ Lãi suất: cố định 9,5%
- » Việc phát hành thành công trái phiếu đã bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty năm 2022 và những năm tiếp theo. Trong bối cảnh lãi suất thị trường tăng rất nhanh, lãi suất trái phiếu cố định sẽ góp phần cải thiện hiệu quả tài chính của Công ty.



#### Hoạt động đầu tư

- » Thông qua công ty con, ASG đã hoàn thành chào mua công khai và nâng tỷ lệ sở hữu tại VFC lên trên 51% trong năm 2022. Đây là mục tiêu mang tính chiến lược do HĐQT đề ra để hiện thực hoá mục tiêu mở rộng quy mô kinh doanh, đa dạng hóa ngành nghề, hoàn thiện hệ sinh thái logistics thông qua hoạt động M&A.
- » Bên cạnh hoạt động đầu tư vốn, ASG thường xuyên đầu tư máy móc, trang thiết bị nhằm tối ưu hiệu quả khai thác và nâng cao chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực logistics. Cũng trong năm 2022, mảng hàng không - sân bay của ASG đã đầu tư các địa điểm kinh doanh mới tại các cảng hàng không: Đồng Hới (Quảng Bình), Phú Bài (Huế), Liên Khương (Đà Lạt).

#### Hoạt động đoàn thể, xã hội

- » Công ty luôn chú trọng và khuyến khích các hoạt động của Công đoàn cơ sở trong việc chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên, đặc biệt là đối với những gia đình cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn.
- » Bên cạnh đó ASG đã thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội tại các địa phương có hoạt động kinh doanh như tỉnh Khánh Hoà và huyện Sóc Sơn (TP. Hà Nội).

#### Công tác tổ chức và nhân sự, tiền lương

- » Công ty tổ chức bộ máy khoa học và tinh gọn, chú trọng công tác cán bộ, thường xuyên đánh giá, bồi dưỡng để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và ổn định. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện chế độ chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân lực chất lượng cao.
- » Hàng năm, Công ty có chế độ xem xét nâng lương và thu nhập cho Người lao động nhằm đãi ngộ xứng đáng với sự cống hiến và gắn bó với Công ty, đồng thời xây dựng và hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp văn minh, chuyên nghiệp tạo môi trường làm việc công bằng, hỗ trợ sự phát triển năng lực của cán bộ nhân viên.
- » Công ty thực hiện chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho toàn thể cán bộ nhân viên: Tổ chức các điều kiện làm việc thuận lợi, đảm bảo việc làm, cải thiện thu nhập, chú trọng công tác đào tạo, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và xây dựng các chế độ phúc lợi tốt, tạo điều kiện, hỗ trợ cho các đoàn thể trong doanh nghiệp hoạt động thuận lợi, thường xuyên quan tâm, thăm hỏi kịp thời đối với từng hoàn cảnh của cán bộ nhân viên Công ty.

## Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trải qua một năm kinh doanh với nhiều thách thức, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Trong năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc cũng báo cáo, đánh giá xác thực tình hình kết quả sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch, giải pháp định kỳ mỗi quý để báo cáo Hội đồng quản trị. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng đã có nhiều giải pháp tốt để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kịp thời ban hành các quy trình, quy định nhằm phát huy chất lượng các dịch vụ mang lại nguồn doanh thu cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc không chỉ đề ra mà còn thực hiện các giải pháp, chính sách thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ; tiếp tục triển khai các giải pháp khoán lương, thưởng nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động. Công tác đầu tư mua sắm được quản lý chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Qua các đợt kiểm tra, kiểm toán, Công ty được đánh giá hoạt động hiệu quả, tài chính lành mạnh, nguồn vốn luôn được bảo toàn phát triển. Nội bộ đơn vị đoàn kết, ổn định; người lao động yên tâm công tác.

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò của mình, công tác quản trị điều hành được thực hiện theo những thông lệ tốt nhất, đảm bảo được quyền lợi của cổ đông, người lao động. Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, minh bạch, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- » Thực hiện vai trò của Tập đoàn, là đầu mối tập trung sức mạnh trong quản trị cũng như hỗ trợ toàn diện các Công ty con trong hệ thống như hỗ trợ về tài chính, pháp lý, quản trị nội bộ, quản lý dự án, công nghệ thông tin... Tạo điều kiện tốt nhất trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty con.
- » Thực hiện vai trò giám sát, chỉ đạo sát sao đối với Ban Tổng Giám đốc trong tất cả các mặt hoạt động của Công ty để vượt qua khó khăn, giữ vững sự ổn định, tạo động lực phát triển, đồng thời hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- » Phối hợp chặt chẽ và đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp quản trị đặt ra, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động hàng tháng, hàng quý, chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành kịp thời có hiệu quả để đảm bảo đạt được kế hoạch đề ra.
- » Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo nguồn tài chính của Công ty an toàn và hiệu quả.
- » Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, mở rộng lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- » Tích cực hỗ trợ và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên. Tăng cường sự kết nối, chia sẻ và hợp lực giữa các công ty thành viên để nâng cao năng lực cạnh tranh và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.
- » Thực hiện các biện pháp huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## Kế hoạch phát triển năm 2023

### Về công tác tổ chức và quản trị nội bộ

- » Tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.
- » Tăng cường công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với hoạt động điều hành, phù hợp với quy định của pháp luật và các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt.
- » Nâng cao ý thức cho người lao động về tinh thần tự thực hiện/tự giác cải tiến và tối ưu hóa là tiêu chí xuyên suốt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Tạo môi trường làm việc thân thiện, xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng và có kế thừa các giá trị truyền thống.
- » Thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng và minh bạch trong quản lý điều hành gắn liền trách nhiệm với quyền lợi.

### Về hoạt động tài chính

- » Đảm bảo năng lực tài chính vững mạnh, an toàn; nghiên cứu và áp dụng các công cụ quản trị rủi ro tài chính.
- » Thực hiện các biện pháp huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

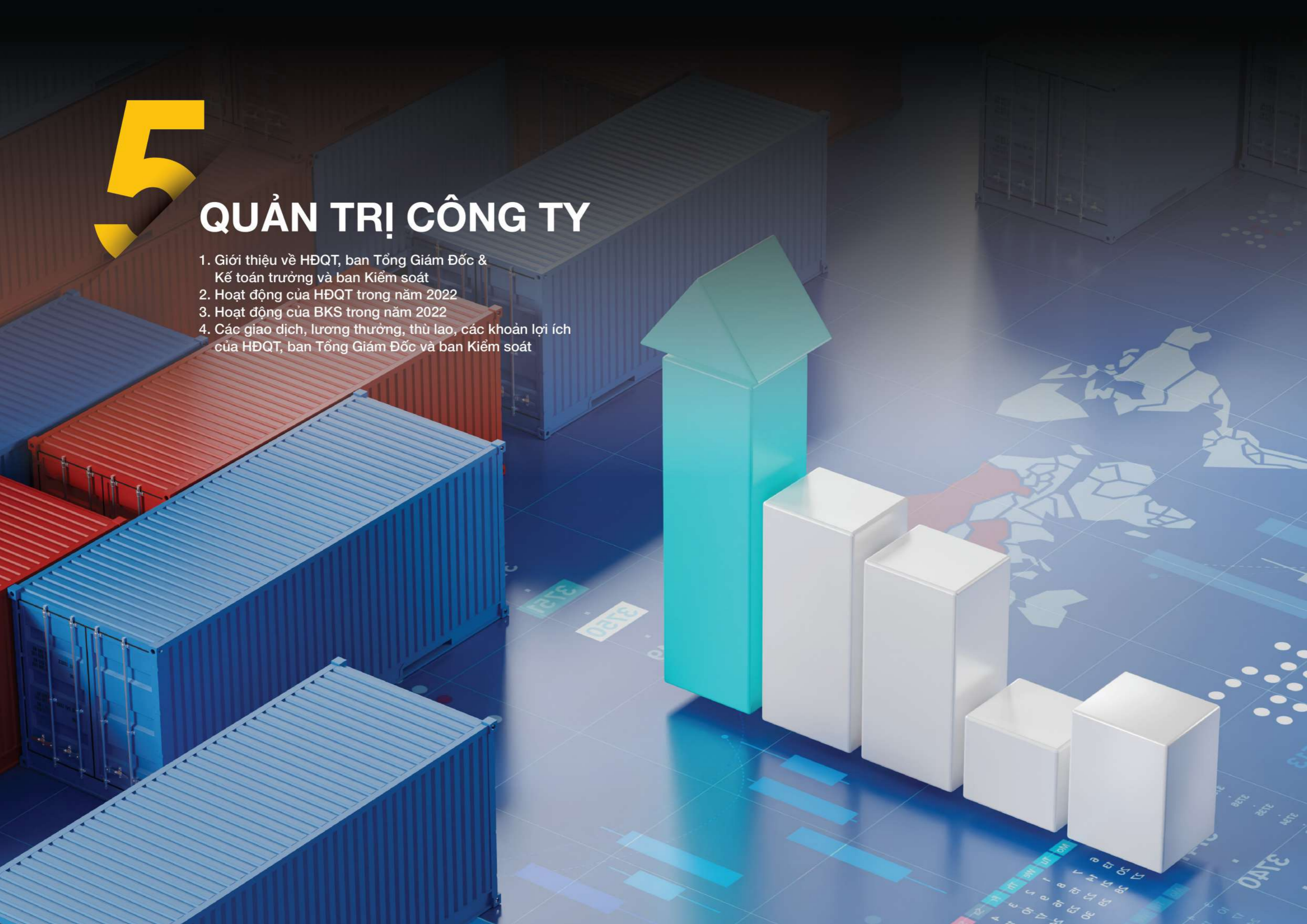
### Về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư

- » Tiếp tục thực hiện các giải pháp như kiểm soát chặt chẽ chi phí, nâng cao năng suất lao động. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nỗ lực cao nhất hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2023. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng có nhiều khó khăn, thách thức.
- » Đánh giá kỹ lưỡng và bám sát biến động của thị trường trong năm 2023 để xây dựng các kịch bản và phương án điều hành phù hợp. Tập trung nhưng phải đánh giá kỹ các cơ hội, hiệu quả của phương án kinh doanh mới để đảm bảo giảm thiểu rủi ro.
- » Nghiên cứu và thực hiện các dự án đầu tư, tạo nguồn đầu tư phát triển trung, dài hạn.
- » Tích cực hỗ trợ và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên. Đặc biệt đối với các dự án lớn đang triển khai tại các Công ty con như dự án "đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp CN2, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn" do Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển khu công nghiệp ASG (ASGI) làm chủ đầu tư. Tăng cường sự kết nối, chia sẻ và hợp lực giữa các công ty thành viên để nâng cao năng lực cạnh tranh và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

# 5

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Giới thiệu về HĐQT, ban Tổng Giám Đốc & Kế toán trưởng và ban Kiểm soát
2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2022
3. Hoạt động của BKS trong năm 2022
4. Các giao dịch, lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, ban Tổng Giám Đốc và ban Kiểm soát



# Giới thiệu về HĐQT, Ban TGD & Kế toán trưởng và trưởng Ban Kiểm soát

## Hội Đồng Quản Trị



**Ông DƯƠNG ĐỨC TÍNH**  
Chủ tịch HĐQT

**Kinh nghiệm:** 30 năm (trong đó có 16 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

**Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- » Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG;
- » Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG.



**Bà BÙI THỊ LỆ HẰNG**  
Thành viên HĐQT

**Kinh nghiệm:** 30 năm (trong đó có 28 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- » Phó Tổng Giám đốc CTCP Logistics Hàng không;
- » Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP ALS Đông Hà Nội;
- » Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Nhà ga hàng hóa ALS;
- » Thành viên HĐQT CTCP Dịch vụ Sân bay Sài Gòn.



**Ông LÝ LÂM DUY**  
Thành viên HĐQT

**Kinh nghiệm:** 18 năm (trong đó có 7 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- » Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không;
- » Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dịch vụ sân bay Quốc tế Cam Ranh;
- » Thành viên HĐQT CTCP Logistics ASG;
- » Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Thương mại Hàng không Cam Ranh;
- » Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Nhà ga Hàng hoá Cam Ranh;
- » Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn;
- » Thành viên HĐQT CTCP Vinafco.



**Bà TRẦN THỊ BÍCH NGỌC**  
Thành viên độc lập HĐQT

**Kinh nghiệm:** 17 năm (trong đó có 5 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- » Phó Phòng Quản lý Tài sản - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ NHTMCP Công thương Việt Nam;
- » Thành viên HĐQT CTCP Logistics Hàng không.

## Ban Kiểm soát



**Bà NGUYỄN THỊ LÊ HẰNG**  
Trưởng Ban Kiểm soát

**Kinh nghiệm:** 37 năm (trong đó có 28 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

**Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- » Trưởng BKS CTCP Logistics ASG;
- » Thành viên HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không;
- » Trưởng BKS Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG.



**Ông NGUYỄN QUANG ĐẠT**  
Thành viên

**Kinh nghiệm:** 21 năm

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

**Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- » Không



**Bà TRẦN THỊ NHƯỜNG**  
Thành viên

**Kinh nghiệm:** 13 năm (trong đó 9 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Luật học

**Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- » Thành viên BKS CTCP Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn;
- » Thành viên BKS Công ty Cổ phần Vinafco.

## Ban Tổng Giám đốc & Kế toán trưởng



**Ông TRƯƠNG MINH HOÀNG**  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

**Kinh nghiệm:** 15 năm (trong đó có 10 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- » Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh;
- » Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không;
- » Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG;
- » Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG;
- » Thành viên HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Sân Bay Phía Nam;
- » Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang.



**Bà ĐẶNG THỊ PHƯƠNG NGA**  
Kế toán trưởng

**Kinh nghiệm:** 20 năm (trong đó có 10 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

**Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- » Trưởng BKS CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh;
- » Trưởng BKS Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG.

## Hoạt động của HĐQT trong năm 2022

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG gồm 04 thành viên: **01 Chủ tịch** và **03 thành viên**.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị và số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ cụ thể của các thành viên như sau:

STT	Hội đồng quản trị	Chức danh	Số lượng chức danh thành viên HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Số buổi họp HĐQT tham dự và lấy ý kiến bằng văn bản	Tỷ lệ tham dự	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Dương Đức Tính	Chủ tịch HĐQT	0	36/36	100%	7.137.195	9,43%
2	Bùi Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	2	36/36	100%	0	0%
3	Lý Lâm Duy	Thành viên HĐQT	4	36/36	100%	0	0%
4	Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	1	35/36	97,2%	0	0%

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 phiên họp tập trung, 24 lần lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền và triển khai các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua nhằm chỉ đạo, hỗ trợ thực hiện và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên bám sát tình hình thực tế để kịp thời đưa ra các quyết sách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ.

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ-HĐQT/ASG	23/03/2022	Thông qua báo cáo quản lý vốn và ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của các Công ty con, thực hiện xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; Ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh Quý IV và cả năm 2021 của Công ty; Thông qua ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn tại Công ty Cổ phần Logistics ASG trong cuộc họp HĐQT ngày 24/3/2022	100%

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
2	02/2022/NQ-HĐQT/ASG	30/03/2022	Thay đổi Người đại diện quản lý vốn tại Công ty Cổ phần Logistics ASG; Phê duyệt các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Logistics ASG; Cử nhân sự tham gia bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty Cổ phần Logistics ASG nhiệm kỳ 2019-2024; Thông qua nội dung miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 tiếp trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; Xây dựng khung quản trị hệ thống	100 %
3	03/2022/NQ-HĐQT/ASG	30/03/2022	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100 %
4	04/2022/NQ-HĐQT/ASG	30/03/2022	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty	100 %
5	05/2022/NQ-HĐQT/ASG	09/04/2022	Miễn nhiệm và chấm dứt hợp đồng lao động Trưởng Ban Quản trị	100 %
6	06/2022/NQ-HĐQT/ASG	12/04/2022	Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022 tại các công ty con thuộc Tập đoàn	100 %
7	07/2022/NQ-HĐQT/ASG	04/05/2022	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự, Đề xuất Công ty Cổ phần Logistics ASG và cổ đông sử dụng cổ phiếu để thế chấp cho gói trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG năm 2022	100 %
8	08/2022/NQ-HĐQT/ASG	11/05/2022	Thông qua phương án phát hành Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG và nội dung ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị	100 %
9	09/2022/NQ-HĐQT/ASG	11/05/2022	Thông qua ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn tại cuộc họp HĐQT Công ty Cổ phần Logistics ASG về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Giao nhận A PLUS; Thông qua ý kiến biểu quyết của người đại diện quản lý vốn tại cuộc họp HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất Hàng không; Chuyển lợi nhuận từ Công ty TNHH Hạ tầng và phát triển Khu công nghiệp ASG về Công ty mẹ.	100 %

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	10/2022/NQ-HĐQT/ASG	20/05/2022	Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh & Kế hoạch đầu tư của Công ty mẹ và Tập đoàn năm 2022	100 %
11	11/2022/NQ-HĐQT/ASG	30/05/2022	Miễn nhiệm Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính - Kế toán và Bổ nhiệm Kế toán trưởng	100 %
12	12/2022/NQ-HĐQT/ASG	30/05/2022	Thông qua việc thành lập Ban tổ chức Đại hội, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đề cử nhân sự Ban kiểm phiếu và các nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100 %
13	13/2022/NQ-HĐQT/ASG	17/06/2022	Thông qua việc thay thế và sửa đổi, bổ sung sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100 %
14	14/2022/NQ-HĐQT/ASG	18/06/2022	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Công ty Cổ phần Logistics Hàng không; Thông qua nội dung Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh tại Công ty TNHH dịch vụ mặt đất Hàng không	100 %
15	15/2022/NQ-HĐQT/ASG	25/06/2022	Phê duyệt ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn tại Công ty Cổ phần Logistics ASG về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Tổng Giám đốc và miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc; Phê duyệt ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn tại Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG về việc miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc	100 %
16	16/2022/NQ-HĐQT/ASG	30/06/2022	Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Bắc Ninh	100 %

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	17/2022/NQ-HĐQT/ASG	30/06/2022	Thông qua việc bổ sung thành viên HĐQT Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu Công nghiệp ASG, Thông qua Quy chế quản lý hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp sửa đổi, bổ sung; phê duyệt điều chỉnh thời hạn nắm giữ cổ phần của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không; Thông qua ý kiến biểu quyết tại cuộc họp HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam ngày 30/06/2022	100 %
18	18/2022/NQ-HĐQT/ASG	11/07/2022	Phê duyệt chi Quỹ khen thưởng phúc lợi; Thông qua Quy chế tiền lương và các chế độ khác chi trả cho người lao động sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh lương của một số nhân sự thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị	100 %
19	19/2022/NQ-HĐQT/ASG	14/07/2022	Thông qua việc phân công nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc; Thông qua mức lương đóng bảo hiểm xã hội của các Công ty trong Tập đoàn; Thông qua định mức mua sắm xe con tại các Công ty trong Tập đoàn	100 %
20	20/2022/NQ-HĐQT/ASG	27/07/2022	Bổ nhiệm Trưởng Ban Tài chính – Kế toán	100 %
21	21/2022/NQ-HĐQT/ASG	09/08/2022	Triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022	100 %
22	22/2022/NQ-HĐQT/ASG	10/08/2022	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và thông qua danh mục hồ sơ đăng ký chào bán	100 %
23	23/2022/NQ-HĐQT/ASG	20/08/2022	Phê duyệt phương án Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG đầu tư mua phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	100 %
24	24/2022/NQ-HĐQT/ASG	26/08/2022	Phê duyệt phương án vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	100 %



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
25	25/2022/NQ-HĐQT/ASG	26/08/2022	Phê duyệt ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn tại cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	100 %
26	26/2022/NQ-HĐQT/ASG	27/08/2022	Phê duyệt tiếp tục thực hiện hỗ trợ cho Công ty TNHH Hạ Tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG thực hiện dự án đầu tư cụm công nghiệp CN2	100 %
27	27/2022/NQ-HĐQT/ASG	01/09/2022	Thông qua Quy chế quản lý tài chính sửa đổi, bổ sung và Quy chế đầu tư mua sắm tài sản, vật tư, dịch vụ sửa đổi, bổ sung	100 %
28	28/2022/NQ-HĐQT/ASG	19/09/2022	Miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban Tài chính – Kế toán và chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Lê Tiến Đông	100 %
29	29/2022/NQ-HĐQT	24/09/2022	Phê duyệt ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn tại cuộc họp Hội đồng quản trị ASGL về việc chi trả cổ tức năm 2021 và tạm ứng cổ tức năm 2022	100 %
30	30/2022/NQ-HĐQT/ASG	26/09/2022	Phê duyệt nội dung xin ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn tại cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	100 %
31	31/2022/NQ-HĐQT/ASG	26/10/2022	Phê duyệt thay đổi địa chỉ trụ sở chính và sửa đổi bổ sung Điều lệ của Công ty TNHH Hạ Tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	100 %
32	32/2022/NQ-HĐQT/ASG	08/11/2022	Mua lại trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG năm 2020	100 %

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
33	33/2022/NQ-HĐQT/ASG	10/11/2022	Phê duyệt chủ trương vay vốn từ các Công ty con	100 %
34	34/2022/NQ-HĐQT/ASG	25/11/2022	Thông qua ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn tại phiên họp HĐQT Công ty Cổ phần Logistics ASG về việc tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2022	100 %
35	35/2022/NQ-HĐQT/ASG	05/12/2022	Thông qua ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn tại phiên họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía nam về việc phân phối lợi nhuận; Thông qua ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn về việc sửa đổi Điều lệ của Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không; Chuyển lợi nhuận từ Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG về Công ty mẹ	100 %
36	36/2022/NQ-HĐQT/ASG	08/12/2022	Ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng, ước thực hiện cả năm 2022 và triển khai công tác xây dựng kế hoạch năm 2023	100 %
37	37/2022/NQ-HĐQT/ASG	24/12/2022	Phê duyệt các giá trị văn hóa, tinh thần và Logo, bộ nhận diện thương hiệu mới của Công ty; Thông qua Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu; Phê duyệt việc thu phí chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu	100 %
38	38/2022/NQ-HĐQT/ASG	30/12/2022	Thông qua mẫu dấu mới của Công ty; Tạm dừng thực hiện phương án tăng vốn Điều lệ	100 %

## Hoạt động của BKS trong năm 2022

### Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty có 3 thành viên: 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát và số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ cụ thể của các thành viên như sau:

STT	Ban Kiểm soát	Chức danh	Tham gia điều hành	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lê Hằng	Trưởng ban	Không tham gia điều hành	36.771	0,05	
2	Nguyễn Quang Đạt	Thành viên	Không tham gia điều hành	0	0,00	
3	Trần Thị Nhưường	Thành viên	Không tham gia điều hành	10.996	0,01	

### Hoạt động của Ban Kiểm soát

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp; Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG; Căn cứ vào nhiệm vụ, kế hoạch của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua. Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- » Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2022 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- » Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- » Kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- » Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT, chấp hành các quy chế, quy định và các chế độ chính sách của Nhà nước. Đặc biệt là chế độ chính sách về tài chính kế toán.
- » Thẩm định báo cáo tài chính, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
- » Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ.

## Các giao dịch, Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

### Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	3.968	0	595	4.563



## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

### Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)
1	Công ty cổ phần Logistics ASG	Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy – TVHĐQT	4601126886 cấp lần đầu ngày 18/04/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, TP. Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Doanh thu Dịch vụ hàng hóa Giá trị: 33.450.655.745 VNĐ
			4601126886 cấp lần đầu ngày 18/04/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, TP. Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Doanh thu Dịch vụ kho bãi Giá trị: 6.260.395.367 VNĐ
	Công ty cổ phần Logistics ASG	Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy – TVHĐQT	4601126886 cấp lần đầu ngày 18/04/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, TP. Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Doanh thu Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải Giá trị: 708.464.000 VNĐ
			4601126886 cấp lần đầu ngày 18/04/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, TP. Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Doanh thu cho thuê văn phòng Giá trị: 296.400.000 VNĐ
	Công ty cổ phần Logistics ASG	Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy – TVHĐQT	4601126886 cấp lần đầu ngày 18/04/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, TP. Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Chi phí Dịch vụ hàng hóa hàng không Giá trị: 19.397.082.193 VNĐ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)
	Công ty cổ phần Logistics ASG	Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy – TVHĐQT	4601126886 cấp lần đầu ngày 18/04/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, TP. Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	05/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Hợp đồng hợp tác kinh doanh Giá trị: 385.000.000.000 VNĐ
2	Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển khu công nghiệp ASG	Người có liên quan của ông Trương Minh Hoàng	461543128 cấp lần đầu ngày 09/08/2019 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Vay vốn Giá trị: 236.000.000.000 VNĐ
			461543128 cấp lần đầu ngày 09/08/2019 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	01/2022 - 12/2022	QĐ số 40/2022/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 11/11/2022	
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG	Người có liên quan của ông Trương Minh Hoàng	0109240049 cấp lần đầu ngày 24/06/2020 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Doanh thu cho thuê văn phòng: Giá trị: 468.800.000 VNĐ
			0109240049 cấp lần đầu ngày 24/06/2020 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Vay vốn Giá trị: 5.000.000.000 VNĐ
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn	Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy - TVHĐQT	0107372515 cấp lần đầu ngày 25/03/2016 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Doanh thu cho thuê văn phòng Giá trị: 878.960.000 VNĐ
			0107372515 cấp lần đầu ngày 25/03/2016 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	07/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Doanh thu Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải Giá trị: 165.629.839 VNĐ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn	Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy - TVHĐQT	0107372515 cấp lần đầu ngày 25/03/2016 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Doanh thu Dịch vụ kho bãi Giá trị: 12.043.080.000 VNĐ
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn	Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy - TVHĐQT	0107372515 cấp lần đầu ngày 25/03/2016 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	4/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Doanh thu từ thanh lý tài sản cố định và Giá trị: 3.823.208.789 VNĐ
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn	Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy - TVHĐQT	0107372515 cấp lần đầu ngày 25/03/2016 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Chi phí Dịch vụ vận tải Giá trị: 21.331.020.982 VNĐ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)
5	Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang	Người có liên quan của ông Trương Minh Hoàng	0308945734 cấp lần đầu ngày 08/06/2009 do Sở KH&ĐT tỉnh Khánh Hòa	Cổng số 2, ngõ 86 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021	Vay vốn Giá trị: 40.000.000.000 VNĐ
6	Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay Phía Nam	Người có liên quan của ông Trương Minh Hoàng	0108895483 cấp lần đầu ngày 10/09/2019 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 4, Tòa nhà NTS, Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Cường, Huyện Sóc Sơn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	01/2022 - 12/2022	QĐ số 39/2021/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 14/07/2021 QĐ số 40/2022/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 11/11/2022	Vay vốn: Giá trị: 22.000.000.000 VNĐ
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	Người có liên quan của ông Trương Minh Hoàng và ông Lý Lâm Duy	4200810665 Cấp lần đầu ngày 14/01/2009 do Sở KH&ĐT tỉnh Khánh Hòa	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	01/2022 - 12/2022	QĐ số 40/2022/ QĐ-HĐQT/ ASG ngày 11/11/2022	Vay vốn Giá trị: 25.000.000.000 VNĐ

## Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty tuân thủ thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy chế, quy định có liên quan nhằm đảm bảo công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.



**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Đã được kiểm toán)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-68



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104960269 ngày 22/10/2010 và các lần sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 06 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Dương Đức Tính	Chủ tịch	
Ông Lý Lâm Duy	Thành viên	
Bà Bùi Thị Lệ Hằng	Thành viên	
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Phạm Văn Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/06/2022)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trương Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/04/2022)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lê Hằng	Trưởng Ban	(Bỏ nhiệm ngày 27/06/2022)
Ông Phạm Xuân Phương	Trưởng Ban	(Miễn nhiệm ngày 22/06/2022)
Bà Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Đạt	Thành viên	

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

- ▶ Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Lãnh đạo

**Đương Đức Tính**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023



Số: 280323.019/BCTC.FIS1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 68, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### *Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo*

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 11(i) của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả: Dự án Khu dịch vụ Logistics tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Giai đoạn 2 đã hoàn thành vào tháng 09 năm 2018 và vẫn đang trong quá trình xin cấp phép đưa vào sử dụng nên chưa ghi nhận sang tài sản cố định hữu hình trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH  
Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

---

**Đỗ Thị Hồng Thùy**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2907-2020-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.737.734.525.236</b>	<b>627.010.606.581</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>206.721.379.127</b>	<b>137.335.598.773</b>
111	1. Tiền		126.166.233.215	79.885.648.786
112	2. Các khoản tương đương tiền		80.555.145.912	57.449.949.987
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>861.214.456.783</b>	<b>157.766.513.079</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		618.902.932.235	144.816.843.307
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(12.718.215.290)	(5.980.662.970)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255.029.739.838	18.930.332.742
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>611.097.190.355</b>	<b>301.046.404.409</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	406.289.426.538	144.122.202.065
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		11.400.519.448	6.516.294.615
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	159.361.750.000	132.620.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	60.807.217.625	28.013.423.590
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(26.761.723.256)	(10.225.515.861)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>33.761.135.694</b>	<b>14.073.821.238</b>
141	1. Hàng tồn kho		34.044.581.441	14.073.821.238
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(283.445.747)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>24.940.363.277</b>	<b>16.788.269.082</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	16.276.614.375	10.183.084.191
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.922.190.797	6.375.398.738
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	17	2.741.558.105	229.786.153

*Ub* *✓*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
 (Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.293.214.294.007</b>	<b>1.511.626.797.067</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>50.181.208.287</b>	<b>288.566.210</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	40.100.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	10.081.208.287	288.566.210
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>535.280.305.965</b>	<b>335.933.817.241</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	491.443.865.546	335.262.918.712
222	- Nguyên giá		1.181.063.165.051	596.070.781.234
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(689.619.299.505)	(260.807.862.522)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	6.466.870.083	-
225	- Nguyên giá		7.764.642.171	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.297.772.088)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	37.369.570.336	670.898.529
228	- Nguyên giá		60.736.223.980	1.999.613.332
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.366.653.644)	(1.328.714.803)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>3.531.275.525</b>	<b>-</b>
231	- Nguyên giá		4.158.805.870	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(627.530.345)	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>28.664.598.766</b>	<b>23.712.847.636</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	28.664.598.766	23.712.847.636
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>6</b>	<b>266.235.167.571</b>	<b>936.637.555.449</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252.535.167.571	434.103.257.341
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.500.000.000	462.534.298.108
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.000.000	40.000.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>409.321.737.893</b>	<b>215.054.010.531</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	167.375.039.433	95.933.176.699
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30	25.346.539.602	20.218.130.520
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.119.500.000	1.119.500.000
269	4. Lợi thế thương mại	12	215.480.658.858	97.783.203.312
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.030.948.819.243</b>	<b>2.138.637.403.648</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
 (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.206.074.487.228</b>	<b>759.187.148.723</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>599.900.634.356</b>	<b>414.908.934.216</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	252.241.931.084	81.197.427.929
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		324.430.293	81.893.153
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	21.073.823.864	10.702.775.140
314	4. Phải trả người lao động		71.996.556.571	20.573.323.742
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	21.065.191.768	6.049.862.432
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		98.095.900	97.149.900
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	17.323.752.386	7.601.665.283
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	212.537.253.247	286.107.561.276
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.239.599.243	2.497.275.361
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>606.173.852.872</b>	<b>344.278.214.507</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	13.198.364.703	30.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	555.083.237.764	320.228.130.911
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30	35.925.657.030	24.020.083.596
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		1.966.593.375	-
<b>400</b>	<b>D. NGUỒN VỐN</b>		<b>1.824.874.332.015</b>	<b>1.379.450.254.925</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.824.874.332.015</b>	<b>1.379.450.254.925</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		756.538.910.000	756.538.910.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		756.538.910.000	756.538.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		68.155.162.741	68.155.162.741
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		5.731.715.025	5.731.715.025
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.329.616.614	526.424.826
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		295.631.528.625	254.855.473.197
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		205.493.686.143	194.889.514.674
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		90.137.842.482	59.965.958.523
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		697.487.399.010	293.642.569.136
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.030.948.819.243</b>	<b>2.138.637.403.648</b>

*Trần Thị Thu Hương*

*Đặng Thị Phương Nga*



*Dương Đức Tính*

**Trần Thị Thu Hương**  
 Người lập biểu

**Đặng Thị Phương Nga**  
 Kế toán trưởng

**Dương Đức Tính**  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	
			Năm 2022 VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.979.717.131.195	722.200.202.004
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	207.683.120	20.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.979.509.448.075	722.200.182.004
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	24	1.614.899.318.926	541.445.775.647
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		364.610.129.149	180.754.406.357
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	99.841.036.972	30.363.563.594
22	7. Chi phí tài chính	26	75.321.384.040	44.037.687.809
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		63.994.124.501	44.178.734.702
24	8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết		18.061.259.583	887.837.613
25	9. Chi phí bán hàng	27	8.375.215.228	5.157.685.533
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	196.096.380.007	103.729.124.816
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		202.719.446.429	59.081.309.406
31	12. Thu nhập khác		5.798.481.511	367.524.967
32	13. Chi phí khác		6.878.091.694	102.921.017
40	14. Lợi nhuận khác		(1.079.610.183)	264.603.950
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		201.639.836.246	59.345.913.356
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	42.467.513.131	23.705.086.305
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30	6.943.814.870	796.204.848
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<b>152.228.508.245</b>	<b>34.844.622.203</b>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		90.137.842.482	59.965.958.523
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		62.090.665.763	(25.121.336.320)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	191	793

  
**Trần Thị Thu Hương**  
 Người lập biểu

  
**Đặng Thị Phương Nga**  
 Kế toán trưởng

  
  
**Dương Đức Tính**  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị


Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

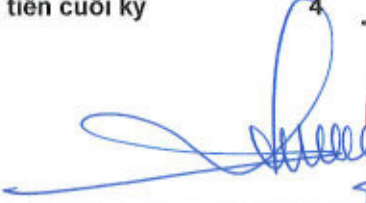
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Năm 2022  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>201.639.836.246</b>	<b>59.345.913.356</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định		111.816.833.587	67.438.285.046
03	Các khoản dự phòng		11.180.204.646	3.990.665.312
04	Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		160.996.320	1.230.016
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(114.398.874.509)		(20.891.120.878)
06	Chi phí lãi vay	67.129.119.765		44.178.734.702
08	<b>3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>277.528.116.055</b>	<b>154.063.707.554</b>
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		56.790.560.439	(44.340.114.082)
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		757.824.003	(5.067.105.698)
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		44.452.928.249	16.097.061.078
12	Giảm chi phí trả trước	(6.659.045.815)		114.625.124
13	Giảm chứng khoán kinh doanh	(23.551.790.820)		17.750.640.886
14	Tiền lãi vay đã trả	(62.853.543.482)		(42.389.470.325)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(47.766.387.419)		(24.285.441.887)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.065.001.551)		(1.200.067.573)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>237.633.659.659</b>	<b>70.743.835.077</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(43.370.851.950)	(30.659.106.919)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		5.517.016.317	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(220.010.553.951)		(16.571.481.860)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	154.839.712.880		88.440.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(138.636.571.752)		(396.086.958.182)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.021.635.281		-
27	7. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	26.668.614.204		22.407.884.553
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(206.970.998.971)</b>	<b>(332.469.662.408)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Năm 2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2021
			Năm 2022	(đã điều chỉnh)
			VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		4.304.491.800	1.050.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(11.894.511.023)
33	3. Tiền thu từ đi vay		742.923.967.234	457.706.633.273
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(703.134.183.635)	(400.687.250.703)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.210.159.412)	(14.713.596.708)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>38.884.115.987</b>	<b>31.461.274.839</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		69.546.776.674	(230.264.552.492)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		137.335.598.773	367.600.627.050
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(160.996.320)	(475.785)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>206.721.379.127</u>	<u>137.335.598.773</u>

  
**Trần Thị Thu Hương**  
Người lập biểu

  
**Đặng Thị Phương Nga**  
Kế toán trưởng

  
**Dương Đức Tinh**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2022

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104960269 ngày 22 tháng 10 năm 2010 và các lần sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 06 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 756.538.910.000 VND, tương đương 75.653.891 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 1.846 người, trong đó tại Công ty mẹ là 102 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1.122 người, trong đó tại Công ty mẹ là 184 người).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là ASG từ ngày 17/07/2020 và bắt đầu giao dịch từ ngày 24/09/2020.

**Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh chính**

- ▶ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị hàng không; dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không;
- ▶ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; giao nhận hàng hóa; hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa, dịch vụ vận chuyển mặt đất; kinh doanh dịch vụ logistics;
- ▶ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ▶ Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ; bốc xếp hàng hóa cảng hàng không;
- ▶ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Vinafco đã trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Logistic ASG (Thuyết minh 3.3). Do đó, quy mô Công ty tăng mạnh do hợp nhất.

Ngoài ra, do bối cảnh chung từ việc kiểm soát dịch bệnh Covid 19, hoạt động kinh doanh của Công ty đã có nhiều sự khởi sắc so với cùng kỳ năm trước.

**Cấu trúc Tập đoàn**

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp và gián tiếp	Tỷ lệ Công ty đầu tư gián tiếp của công ty mẹ vào công ty con
1	Công ty Cổ phần Logistics ASG	Lô số 5 – Khu Công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Triền, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics	99,93%	0,00%	99,93%	99,93%	99,93%
2	Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Đầu tư kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất	100,00%	0,00%	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không; Dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; Dịch vụ khai thác khu bay; Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; Dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không; Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; Dịch vụ kỹ thuật hàng không	100,00%	0,00%	100,00%	100,00%	100,00%
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Bán hàng miễn thuế, mỹ nghệ, lưu niệm; phục vụ khách hàng thương gia tại phòng khách hàng thương gia; bán hàng ăn uống; đưa đón khách sân bay	0,00%	54,60%	54,54%	54,60%	54,60%

Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG và Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn

10/01/2023

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm (tiếp):

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp và gián tiếp	Công ty đầu tư gián tiếp của công ty mẹ vào công ty con
5	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics	0,00%	0,00%	97,97%	97,97%	98,04%	Công ty Cổ phần Logistics ASG
6	Công ty TNHH ALS Thành phố Hồ Chí Minh	Toà nhà Hải Âu, số 39B Trường Sơn, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics	0,00%	0,00%	59,96%	59,96%	60,00%	Công ty Cổ phần Logistics ASG
7	Công ty TNHH Vận tải ASG	Khu Công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Triền, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, đường sắt, đường thủy, đường bộ; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải; vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ	0,00%	0,00%	99,93%	99,93%	100,00%	Công ty Cổ phần Logistics ASG
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU	Khu Công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Triền, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; bốc xếp hàng hóa (ngoại trừ cung cấp dịch vụ tại Sân Bay); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	0,50%	0,50%	50,47%	50,97%	51,00%	Công ty Cổ phần Logistics ASG
9	Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất hàng không	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không; Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất	0,00%	0,00%	72,73%	72,73%	75,00%	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG và Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm (tiếp):

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	Tỷ lệ biểu quyết gián tiếp và tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp và tiếp	Tỷ lệ biểu quyết gián tiếp	Công ty đầu tư gián tiếp của công ty mẹ vào công ty con
10	Công ty TNHH Nhà ga Hàng hoá Cam Ranh	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hoá	0,00%	0,00%	54,54%	100,00%	54,54%	100,00%	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh
11	Công ty TNHH Thương mại Hàng không Cam Ranh	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ thương mại hàng không	0,00%	0,00%	54,54%	100,00%	54,54%	100,00%	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh
12	Công ty Cổ phần Miền thuế Cửa khẩu Quốc tế IDF	Số 027, tổ 2, đường Hưng Hóa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Dịch vụ thương mại và bán hàng miễn thuế	0,00%	0,00%	35,45%	65,00%	35,45%	65,00%	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh
13	Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	Tầng 4, Tòa nhà NTS, Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Dịch vụ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	74,50%	74,50%	0,00%	0,00%	74,50%	74,50%	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh
14	Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang	Công số 2, ngõ 86, đường Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	0,00%	0,00%	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm (tiếp):

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	Tỷ lệ biểu quyết gián tiếp	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp và gián tiếp	Công ty đầu tư gián tiếp của công ty mẹ vào công ty con
15	Công ty Cổ phần Vinafco	Thôn Tự Khoát, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Vận tải, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi	0,00%	51,55%	51,59%	51,55%	51,59%	Công ty Cổ phần Logistics ASG
16	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco	33C Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội	Vận tải, giao nhận hàng hóa	0,00%	51,55%	100,00%	51,55%	100,00%	Công ty Cổ phần Vinafco
17	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco	Thôn Tự Khoát, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Vận tải, giao nhận hàng hóa	0,00%	34,10%	66,15%	34,10%	66,15%	Công ty Cổ phần Vinafco và Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco
18	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco	33C Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội	Vận tải, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi	0,00%	51,55%	100,00%	51,55%	100,00%	Công ty Cổ phần Vinafco
19	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ	Số 2/254 Văn Cao, phường Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Vận tải, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi	0,00%	51,55%	100,00%	51,55%	100,00%	Công ty Cổ phần Vinafco
20	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương	Lô N, Đường số 26, Khu CN Sóng Thần, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Vận tải, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi	0,00%	51,55%	100,00%	51,55%	100,00%	Công ty Cổ phần Vinafco

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm (tiếp):

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp	Tỷ lệ biểu quyết của công ty mẹ vào công ty con
21	Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng	Đường số 8, khu CN Hòa Cầm, Liên Chiểu, Đà Nẵng	Vận tải, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi	0,00%	51,55%	51,55%	100,00%
22	Công ty TNHH MTV Vinafco Hậu Giang	Cụm CN tập trung Đông Phú - giai đoạn 1, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Vận tải, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi	0,00%	51,55%	51,55%	100,00%
23	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung	Thôn Trung Cường C, Xã Tiên Hòa, Huyện Tuyên Hòa, Tỉnh Quảng Bình	Vận tải, giao nhận hàng hóa	0,00%	51,55%	51,55%	100,00%

*ms-26*

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con trong trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

### **2.4 Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, trái phiếu, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời

điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

### 2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết".

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận



ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- ▶ Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- ▶ Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- ▶ Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền; ngoại trừ giá trị hàng thực phẩm được xác định bằng phương pháp nhập trước xuất trước và một số loại hàng tồn kho nhận diện được xác định bằng phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 30 năm
▶ Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
▶ Cây lâu năm	05 năm
▶ TSCĐ hữu hình khác	05 năm
▶ Phần mềm máy vi tính	03 - 05 năm

## 2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Tiền thuê đất, thuế đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trong thời gian triển khai thực hiện dự án. Chi phí chuẩn bị mặt bằng bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình chuẩn bị mặt bằng thực hiện dự án được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Tiền thuê đất, thuế đất trả trước và chi phí chuẩn bị mặt bằng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian kể từ khi đưa dự án vào hoạt động đến hết thời gian thuê của các dự án nói trên.
- Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng và chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm

bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

### **2.13 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### **2.14 Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### **2.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **2.16 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.17 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước liên quan tới số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

### **2.18 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu) và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

## 2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi) phát sinh khi Công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trừ đi giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.20 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong năm là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi

phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 2.23 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm :

- ▶ Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- ▶ Chi phí đi vay vốn;
- ▶ Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- ▶ Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

### Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

### Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### Ưu đãi thuế

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 2058632843 ngày 12/07/2016, thu nhập từ dự án "Đầu tư Cung cấp Dịch vụ Logistics" tại chi nhánh Thái Nguyên được hưởng ưu đãi về thuế suất theo địa bàn và lĩnh vực đầu tư; thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ được miễn thuế TNDN trong 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Dự án đầu tư có thu nhập chịu thuế từ năm 2016. Tuy nhiên, Công ty lựa chọn áp dụng thời gian miễn giảm được tính liên tục từ năm 2017 (căn cứ theo khoản 5, Điều 20, Thông tư 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bởi Điều 14, Thông tư 96/2015/TT-BTC).

Ngày 15/07/2020, Chi nhánh Thái Nguyên đã hoàn tất chuyển nhượng dự án này cho Công ty TNHH Vận tải ASG (Công ty con của Công ty). Theo đó, đối với các thu nhập từ Dự án, Công ty TNHH Vận tải ASG được hưởng ưu đãi thuế theo thời gian còn lại của Dự án (là giảm 50% số thuế TNDN phải nộp từ năm 2020 đến năm 2022)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 8547475288 ngày 18/01/2017, thu nhập từ dự án "Đầu tư xây dựng khu Dịch vụ Logistics tại Bắc Ninh", Chi nhánh Bắc Ninh được hưởng ưu đãi về thuế suất theo địa bàn và lĩnh vực đầu tư; thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ được miễn thuế TNDN trong 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Dự án đầu tư có thu

nhập chịu thuế từ năm 2017. Tuy nhiên, Công ty lựa chọn áp dụng thời gian miễn giảm được tính liên tục từ năm 2018. Năm 2020, dự án bắt đầu phát sinh thu nhập chịu thuế và bắt đầu hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2020.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 172041000066 (thay đổi lần 2 ngày 17/11/2015) và theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, thu nhập từ dự án "Xây dựng kho hàng không kéo dài tại Thái Nguyên" của Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con của Công ty) được miễn thuế TNDN trong 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo theo địa bàn đầu tư. Năm 2014, Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, tuy nhiên Công ty lựa chọn thời gian miễn giảm tính liên tục từ năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 0252117134 ngày 15/11/2018, thu nhập từ dự án "Đầu tư Cung cấp Dịch vụ Vận tải Liên Hợp" của Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU (Công ty con của Công ty) được hưởng ưu đãi về thuế suất theo địa bàn và lĩnh vực đầu tư; thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ được miễn thuế TNDN trong 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 642041000006 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29 tháng 12 năm 2010, Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Hậu Giang có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2016) và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong năm 2022, Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Hậu Giang được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN đối với thu nhập được hưởng ưu đãi thuế.

Theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm thành lập (năm 2012) và được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo đối với các thu nhập từ hoạt động vận tải nội tỉnh. Trong năm 2022, Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% và được giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập được ưu đãi thuế.

#### Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- ▶ Thuế suất 20% và được giảm 50% đối với các hoạt động vận tải có điểm đi, điểm đến tại Bắc Ninh phát sinh tại Chi nhánh Bắc Ninh của Công ty mẹ căn cứ theo Khoản 4, Điều 19, Thông tư 78/2014/TT-BTC.
- ▶ Thuế suất 17% đối với các hoạt động vận tải có điểm đi, điểm đến tại Thái Nguyên phát sinh tại Công ty TNHH Vận tải ASG (ASGT) theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án "Đầu tư Cung cấp Dịch vụ Logistics" (Ngày 01/06/2020, ASGT nhận chuyển nhượng dự án từ Chi nhánh Thái Nguyên của Công ty mẹ. Theo đó, ASGT được hưởng ưu đãi thuế theo thời gian còn lại của dự án).
- ▶ Thuế suất 17% đối với các hoạt động có doanh thu phát sinh trên địa bàn được ưu đãi và hoạt động vận tải có điểm đầu hoặc/ và điểm cuối trên địa bàn được ưu đãi tại Công ty Cổ phần Logistics ASG.
- ▶ Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Hậu Giang áp dụng mức thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế.
- ▶ Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung áp dụng mức thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong năm.

- ▶ Thuế suất 20 % đối với hoạt động không được ưu đãi thuế suất tại Công ty mẹ và các công ty con khác.

## 2.25 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.27 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3. Hợp nhất kinh doanh và chuyển nhượng cổ phần

### 3.1 Hoàn thành kế toán tạm thời giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang (HGT)

Vào tháng 6/2021, Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG (Công ty con của Công ty) đã hoàn thành mua 60% phần vốn góp của Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang (HGT), một Công ty TNHH được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308945734 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/06/2009 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Hiện tại hoạt động kinh doanh chủ yếu của HGT là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của HGT tại ngày mua, và áp dụng kế toán tạm thời để hợp nhất HGT. Trong năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của HGT tại ngày mua với những thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đó, được điều chỉnh hồi tố như sau:

	Giá trị hợp lý xác định tạm thời tại ngày mua VND	Điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh VND
<b>Tài sản</b>			
Tiền và tương đương tiền	1.570.196.085	-	1.570.196.085
Các khoản phải thu ngắn hạn	72.770.552.100	-	72.770.552.100
Tài sản ngắn hạn khác	4.944.829.529	(4.160.000.000)	784.829.529
	<b>79.285.577.714</b>	<b>(4.160.000.000)</b>	<b>75.125.577.714</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả ngắn hạn	1.584.663.986	-	1.584.663.986
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (tương ứng các điều chỉnh giá trị hợp lý)	-	(832.000.000)	(832.000.000)
	<b>1.584.663.986</b>	<b>(832.000.000)</b>	<b>752.663.986</b>
<b>Tổng giá trị tài sản thuần theo giá trị hợp lý</b>	<b>77.700.913.728</b>	<b>(3.328.000.000)</b>	<b>74.372.913.728</b>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	31.080.365.491	(1.331.200.000)	29.749.165.491
<b>Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Công ty</b>	<b>46.620.548.237</b>	<b>(1.996.800.000)</b>	<b>44.623.748.237</b>
<b>Tổng giá phí của khoản đầu tư</b>	<b>87.995.000.000</b>	-	<b>87.995.000.000</b>
<b>Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh</b> (Thuyết minh 12)	<b>(41.374.451.763)</b>	<b>(1.996.800.000)</b>	<b>(43.371.251.763)</b>
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua Công ty con	1.570.196.085	-	1.570.196.085
Tiền thu về từ Công ty con	(87.995.000.000)	-	(87.995.000.000)
Tiền chi để mua Công ty con	(86.424.803.915)	-	(86.424.803.915)
<b>Tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua</b>			

*Handwritten signature*



### **3.2 Thoái vốn tại Công ty Cổ phần Giao nhận APLUS**

Vào ngày 30/06/2022, Công ty Cổ phần Logistics ASG (công ty con của Công ty) đã chuyển nhượng 55% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Giao nhận APLUS, phần vốn góp còn lại tương đương 1.500.000.000 VND được chuyển sang ghi nhận tại khoản mục Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 6). Theo đó, số tiền lỗ 732.988.101 VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (thuyết minh số 26)

### **3.3 Mua thêm phần vốn góp và đạt quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Vinafco (VFC)**

Vào ngày 04/05/2022, Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con của Công ty) đã hoàn thành việc mua thêm 2.103.281 cổ phần của Công ty Cổ phần Vinafco, nâng tổng số cổ phần sở hữu tại VFC lên 17.437.281 cổ phần với tổng giá phí đầu tư là 383.468.769.538 VND, tương đương với tỷ lệ 51,59% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Vinafco. Theo đó, tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty tại Công ty Cổ phần Vinafco đã tăng từ 45,34% lên 51,55%. Tại ngày này, Công ty Cổ phần Vinafco trở thành công ty con gián tiếp của Công ty.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của VFC vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh được dựa trên báo cáo tài chính hợp nhất của VFC lập ngày 31/03/2022 có điều chỉnh thêm kết quả kinh doanh ước tính đến 04/05/2022. Chi tiết như sau :

**3.3 Mua thêm phần vốn góp và đạt quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Vinafco (VFC) (tiếp theo)**

*Giá trị hợp lý xác định  
 tạm thời tại ngày mua*  
**VND**

<b>Tài sản</b>	
Tiền và tương đương tiền	46.666.836.206
Đầu tư tài chính ngắn hạn	160.348.566.025
Các khoản phải thu ngắn hạn	342.068.654.710
Hàng tồn kho	20.416.495.917
Tài sản ngắn hạn khác	7.206.901.076
Các khoản phải thu dài hạn	52.073.170.558
Tài sản cố định	259.881.750.951
Tài sản dở dang dài hạn	1.111.088.182
Đầu tư tài chính dài hạn	15.823.917.742
Tài sản dài hạn khác	66.393.193.142
	<b>971.990.574.509</b>
<b>Nợ phải trả</b>	
Nợ ngắn hạn	296.241.686.984
Nợ dài hạn	54.567.522.313

**350.809.209.297**

Loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát (trong báo cáo hợp nhất VFC)	(49.067.407.402)
Bổ sung lợi nhuận từ ngày 01/04/2022 đến 04/05/2022	10.373.709.309
<b>Tổng giá trị tài sản thuần theo giá trị hợp lý</b>	<b>582.487.667.119</b>

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	282.194.430.256
<b>Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn</b>	<b>300.293.236.863</b>

<b>Tổng giá phí của khoản đầu tư này</b>	<b>440.411.059.443</b>
<i>Trong đó</i>	
<i>Giá trị hợp lý tại ngày đạt quyền kiểm soát của các khoản đầu tư phát sinh từ trước ngày đạt quyền kiểm soát (*)</i>	383.350.000.000
<i>Giá gốc của khoản đầu tư thêm tại ngày đạt quyền kiểm soát</i>	57.061.059.443

<b>Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 12)</b>	<b>140.117.822.580</b>
--	------------------------

(\*) Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản đầu tư 45,34% vốn chủ sở hữu ban đầu tại ngày đạt được quyền kiểm soát với giá phí của khoản đầu tư đó được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. (Thuyết minh số 25).

**4. Tiền và tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	16.564.004.655	15.985.484.374
Tiền gửi ngân hàng	109.602.228.560	63.900.164.412
Các khoản tương đương tiền (*)	80.555.145.912	57.449.949.987
	<b>206.721.379.127</b>	<b>137.335.598.773</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 3% đến 6%/năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH MTV Thương mại Bìà Sài Gòn	34.446.769.661	-	-	-
Công ty TNHH Samsung SDS Việt Nam	23.139.556.091	-	36.827.028.414	-
Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam	27.760.682.969	-	-	-
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	16.239.162.388	-	-	-
Công ty TNHH Quản lý Chuỗi cung ứng Quốc tế Jusda Việt Nam	16.454.094.938	-	-	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	6.410.591.104	-	6.995.224.274	-
Công ty TNHH MTV Kinh đô Miền Bắc	11.829.005.426	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại HB (*)	49.874.612.134	-	-	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	7.770.044.527	-	7.942.879.108	-
Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	5.904.387.145	(1.206.956.341)	4.826.158.228	(2.049.782.585)
Eastar Jet Co., Ltd	5.123.799.967	(5.123.799.967)	4.972.422.447	(4.972.422.447)
Các khách hàng khác	241.436.720.188	(5.458.752.536)	82.558.489.594	(823.751.607)
	<b>446.389.426.538</b>	<b>(11.789.508.844)</b>	<b>144.122.202.065</b>	<b>(7.845.956.639)</b>
<b>b) Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>				
Ngắn hạn	406.289.426.538	(11.789.508.844)	144.122.202.065	(7.845.956.639)
Dài hạn	40.100.000.000	-	-	-
	<b>446.389.426.538</b>	<b>(11.789.508.844)</b>	<b>144.122.202.065</b>	<b>(7.845.956.639)</b>
<b>Trong đó, phải thu bên liên quan</b> (Thuyết minh 36)	<b>5.324.996.697</b>	-	<b>15.923.938.211</b>	-

(\*) Bao gồm khoản phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp cho Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư HB số tiền 49.783.168.534 VND, trong đó, 9.683.168.534 VND là phải thu ngắn hạn, và 40.100.000.000 VND sẽ thanh toán từ năm 2023 đến trước ngày 19/10/2026.

*Handwritten signature*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>255.029.739.838</b>	-	<b>18.930.332.742</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	255.029.739.838	-	18.930.332.742	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>200.000.000</b>	-	<b>40.000.000.000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	200.000.000	-	-	-
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	-	-	40.000.000.000	-
	<b>255.229.739.838</b>	-	<b>58.930.332.742</b>	-

(i) Các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 3,7% đến 10,5%/ năm.

(ii) Các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn trên 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất 6%/ năm.

Wb

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (*)	515.984.298.108	-	-	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (i)	83.706.458.044	70.642.710.600	(9.749.166.070)	79.881.470.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (ii)	8.779.926.863	13.896.058.000	-	13.176.131.043
Công ty Cổ phần Dịch vụ HK Sân Bay Đà Nẵng (iii)	10.432.249.220	7.463.200.000	(2.969.049.220)	10.432.249.220
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	-	-	-	2.005.000
	<b>618.902.932.235</b>	<b>(12.718.215.290)</b>	<b>144.816.843.307</b>	<b>(5.980.662.970)</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (ALS) được điều chỉnh từ "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" thành "Chứng khoán kinh doanh" theo Quyết định số 17/2022/QĐ-HĐQT/ASG của Hội đồng quản trị Công ty và Quyết định số 02/2022/QĐ-HĐTV của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay Phía Nam (ASL) nhằm mục đích phù hợp với mục tiêu nắm giữ cổ phiếu ALS và nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh tại ASG và ASL.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư cổ phần Công ty Cổ phần Logistics Hàng không do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Tương ứng với 1.126.678 cổ phiếu, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là 62.700 VND/cổ phiếu.

(ii) Tương ứng với 142.670 cổ phiếu, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là 85.200 VND/cổ phiếu.

(iii) Tương ứng với 196.400 cổ phiếu, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) là 38.000 VND/cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	%	%	%	%
				VND
				VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sài Gòn (i)	47,03	48,00	47,03	48,00
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội (ii)	27,13	49,00	26,00	49,00
Công ty Cổ phần Logistics AGH (iii)	47,57	48,00	47,57	48,00
Công ty Cổ phần HANA-DH TLS (iv)	10,19	20,00	10,19	20,00
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh (v)	20,99	21,00	20,99	21,00
Công ty cổ phần Vinafco (vi)	20,94	20,95	24,81	24,83
Công ty cổ phần Jetlink Việt Nam (vii)	25,73	49,90	20,94	20,95
Công ty TNHH Logistics HTNS - Vinafco (viii)				
				<b>434.103.257.341</b>
				<b>252.535.167.571</b>

(i) Tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn (Công ty con do Công ty nắm giữ 97,97% lợi ích) là 47,03% (Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn tại công ty liên kết là 48%).

(ii) Tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty con do Công ty nắm giữ 54,54% lợi ích) là 27,13% (Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh tại công ty liên kết là 49%).

(i) Tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn (do Công ty nắm giữ 97,97% lợi ích) và Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG (Công ty con do Công ty nắm giữ 100% lợi ích) là 47,57%. Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn và Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG tại công ty liên kết lần lượt là 21% và 27%.

(ii) Tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU (Công ty con gián tiếp do Công ty nắm giữ 50,97% lợi ích) là 10,19%. Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU tại công ty liên kết là 20%.

(iii) Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty thông qua Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con trực tiếp do Công ty nắm giữ 99,93% lợi ích) là 20,99%. Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Logistics ASG tại công ty liên kết là 21%.

(iv) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Vinafco trở thành công ty con của Công ty (Thuyết minh 3.3).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Hà Nội

Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn,

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp)

- (v) Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty thông qua Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con trực tiếp do Công ty nắm giữ 99,93% lợi ích) là 20,94%. Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Logistics ASG tại công ty liên kết là 20,95%.
- (vi) Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty thông qua Công ty Cổ phần Vinafco (Công ty con gián tiếp do Công ty nắm giữ 51,55% lợi ích) là 25,73%. Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Vinafco tại công ty liên kết là 49,90%.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	-	-	450.534.298.108	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Aplus	1.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Tân Sơn Nhất	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
	<b>13.500.000.000</b>	-	<b>462.534.298.108</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

ub m

**7. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Long Thành (i)	38.000.000.000	-	23.000.000.000	-
Công ty CP XNK Hàng hóa và Vận tải thủy Việt Nam (ii)	73.500.000.000	-	13.500.000.000	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Nội Bài	-	-	65.000.000.000	-
Ông Phạm Thanh Hùng (iii)	17.821.750.000	(12.265.225.000)	-	-
Các đối tượng khác	30.040.000.000	-	31.120.000.000	-
	<b>159.361.750.000</b>	<b>(12.265.225.000)</b>	<b>132.620.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó, phải thu bên liên quan (Thuyết minh 36)</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thông tin chi tiết các khoản cho vay:

- (i) Hợp đồng cho vay vốn số 01/LTI-CIAS/2020 ngày 26/8/2020 và Phụ lục 06 ngày 26/08/2022 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty con của Công ty) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Long Thành, thời hạn cho vay là 6 tháng từ 26/08/2022, lãi suất cho vay 7%/năm.
- (ii) Hợp đồng cho vay vốn số 01/Vietransimex-CIAS/2019 ngày 06/12/2019, và Phụ lục 06 ngày 06/12/2022 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty con của Công ty) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng hóa và Vận tải thủy Việt Nam, thời hạn cho vay là 6 tháng, lãi suất cho vay 7,10%/năm.
- (iii) Phản ánh khoản cho ông Phạm Thanh Hùng (là đối tác góp vốn trước đây trong Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ, công ty con của Công ty) vay, số tiền 17.521.750.000 VND tại 31/12/2022. Khoản cho vay đã đến hạn trả nợ vào ngày 31 tháng 01 năm 2021 và không có tài sản bảo đảm. Bên cạnh việc sử dụng các biện pháp thu hồi khoản vay, Công ty cũng đang trích lập dự phòng đối với khoản công nợ số tiền lần lượt tại 31/12/2022 và 01/01/2022 là (12.265.225.000) VND và (8.915.875.000) VND.



**8. Phải thu khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	68.698.062	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	8.038.052.131	-	3.969.722.615	-
Tạm ứng	24.713.657.977	(37.647.734)	1.695.441.604	-
Ký cược, ký quỹ Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Lào Cai (*)	4.406.133.385	-	2.998.413.267	-
	2.363.250.929	(2.363.250.929)	2.363.250.929	(2.363.250.929)
Phải thu chờ xác nhận khách hàng	14.638.028.222	-	4.633.096.355	-
Các khoản chi hộ	2.679.540.029	-	2.982.196.570	-
Tiền bán chứng khoán chờ về	-	-	1.471.800.000	-
Phải thu khác	3.899.856.890	(227.302.316)	7.899.502.250	-
	<b>60.807.217.625</b>	<b>(2.628.200.979)</b>	<b>28.013.423.590</b>	<b>(2.363.250.929)</b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	5.081.208.287	-	288.566.210	-
Phải thu khác	5.000.000.000	-	-	-
	<b>10.081.208.287</b>	<b>-</b>	<b>288.566.210</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó, phải thu bên liên quan (Thuyết minh 36)</b>	<b>17.637.294</b>	<b>-</b>	<b>301.437.883</b>	<b>-</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/BCC/XNKLC-CATC ngày 03/08/2018 giữa Công ty TNHH Thương mại Hàng không Cam Ranh (Công ty con của Công ty) và Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu tỉnh Lào Cai về việc hợp tác kinh doanh hệ thống cửa hàng miễn thuế. Hợp đồng đã chấm dứt từ ngày 15/12/2019.

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu vật liệu	24.806.777.907	(283.445.747)	2.769.731.920	-
Công cụ, dụng cụ	5.770.893.286	-	3.383.729.586	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	496.208.075	-	562.766.370	-
Hàng hóa	2.970.702.173	-	7.357.593.362	-
	<b>34.044.581.441</b>	<b>(283.445.747)</b>	<b>14.073.821.238</b>	<b>-</b>

*Handwritten signature/initials*

**10. Chi phí trả trước**

	31/12/2022	01/01/2022 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.215.126.218	2.070.317.244
Chi phí cải tạo, sửa chữa	2.951.667.548	2.086.940.972
Chi phí bảo hiểm	2.938.543.460	1.438.522.865
Chi phí thuê mặt bằng	1.548.479.639	2.135.919.209
Các khoản khác	6.622.797.510	2.451.383.901
	<b>16.276.614.375</b>	<b>10.183.084.191</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.202.976.032	1.462.451.300
Chi phí đền bù san lấp mặt bằng (i)	18.957.839.942	10.100.540.281
Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng trả trước (ii)	112.375.173.141	78.630.336.646
Chi phí cải tạo, sửa chữa	25.122.049.289	4.716.805.587
Chi phí đào tạo bổ túc dài hạn	2.207.920.616	891.402.502
Các khoản khác	3.509.080.413	131.640.383
	<b>167.375.039.433</b>	<b>95.933.176.699</b>

- (i) Chi phí đền bù san lấp mặt bằng khu dịch vụ Logistics tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài có thời gian phân bổ là 48 năm 2 tháng kể từ ngày 31/10/2015 căn cứ vào thời gian thuê đất theo quyết định 2175/QĐ-CVMB ngày 06/11/2015 về việc thuê đất tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài để sử dụng cùng công trình đã xây dựng trong vòng 49 năm kể từ ngày 10/12/2014.

Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của dự án "Đầu tư xây dựng công trình bến xe tải và dịch vụ công cộng Trâu Quỳ" tại thị trấn Trâu Quỳ, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm chưa có quyền sử dụng đất. Chi phí này thực hiện phân bổ trong thời gian 40 năm kể từ 01/01/2020 căn cứ vào thời gian hoạt động còn lại của dự án.

- (ii) Tiền thuê cơ sở hạ tầng trên đất trả một lần theo Hợp đồng thuê đất và cơ sở hạ tầng trên đất số 02/2017/BĐS-HĐKT tại Khu công nghiệp Yên Phong giữa Công ty và Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera ngày 09/01/2017. Thời gian thuê là 38 năm 03 tháng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Bắc Ninh của Công ty.

Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Lô số 5, Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam theo hợp đồng thuê đất số N005/2014/YBI-ALST ngày 18/3/2014. Thời hạn thuê đất và cơ sở hạ tầng là 49 năm phục vụ cho dự án kho hàng không kéo dài tại Thái Nguyên của Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con của Công ty).

Chi phí thuê đất trả trước (có đi kèm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại KCN Sóng Thần 2 – tỉnh Bình Dương, KCN Hòa Cầm – TP Đà Nẵng, KCN Tiên Sơn – tỉnh Bắc Ninh.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	28.449.417.675	23.712.847.636
- Khu dịch vụ Logistics tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - Giai đoạn 2 (i)	16.899.575.862	16.899.575.862
- Dự án Nhà ga hàng hóa và khu xử lý hàng hóa tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh (ii)	1.706.088.062	1.706.088.062
- Công trình khác	9.843.753.751	5.107.183.712
Sửa chữa lớn	215.181.091	-
	<b>28.664.598.766</b>	<b>23.712.847.636</b>

(i) Thông tin chi tiết về dự án:

- Tên Dự án: Khu dịch vụ Logistics tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Giai đoạn 2
- Địa điểm xây dựng: Hà Nội
- Mục đích xây dựng: Xây dựng khu dịch vụ logistics hoàn chỉnh phục vụ dây chuyền cung ứng hàng hóa cho tàu bay và các khách hàng có nhu cầu dịch vụ logistics, khai thác hàng tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2022: bắt đầu triển khai vào tháng 6/2017 đã hoàn thành vào tháng 09/2018 và đang trong quá trình xin cấp phép đưa vào sử dụng.

- (ii) Dự án Nhà ga hàng hóa và khu xử lý hàng hóa bưu kiện tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh đang trong giai đoạn nghiên cứu và chuẩn bị đầu tư.

**12. Lợi thế thương mại**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	(đã điều chỉnh) VND
Lợi thế thương mại đầu kỳ	97.783.203.312	65.322.567.823
Lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ	140.117.822.580	43.371.251.763
Phân bổ lợi thế thương mại	22.420.367.034	10.910.616.274
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>215.480.658.858</b>	<b>97.783.203.312</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2022	208.127.334.211	163.197.294.303	206.343.797.202	18.009.986.244	392.369.274	596.070.781.234
Mua mới	-	10.535.802.456	15.795.126.064	2.601.590.980	-	28.932.519.500
Mua công ty con	191.718.933.120	65.052.103.826	310.598.635.448	4.565.589.235	-	571.935.261.629
Thanh lý	-	(141.568.000)	(14.772.962.654)	-	-	(14.914.530.654)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	(918.880.658)	(41.986.000)	-	(960.866.658)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>399.846.267.331</b>	<b>238.643.632.585</b>	<b>517.045.715.402</b>	<b>25.135.180.459</b>	<b>392.369.274</b>	<b>1.181.063.165.051</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2022	79.102.344.425	63.989.696.818	105.031.774.820	12.301.789.456	90.601.720	260.807.862.522
Khấu hao	20.654.838.546	18.003.646.384	44.424.822.598	1.697.872.056	-	84.791.291.855
Mua công ty con	88.546.892.346	52.176.365.716	210.336.720.834	3.826.665.803	-	354.886.644.699
Thanh lý	-	(66.167.209)	(10.178.130.426)	-	-	(10.244.297.635)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	(618.477.369)	(3.724.567)	-	(622.201.936)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>188.304.075.317</b>	<b>134.103.541.709</b>	<b>348.996.710.457</b>	<b>17.822.602.748</b>	<b>90.601.720</b>	<b>689.619.299.505</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2022	129.024.989.786	99.207.597.485	101.312.022.382	5.708.196.788	301.767.554	335.262.918.712
Tại ngày 31/12/2022	<b>211.542.192.014</b>	<b>104.540.090.876</b>	<b>168.049.004.945</b>	<b>7.312.577.711</b>	<b>301.767.554</b>	<b>491.443.865.546</b>

▶ Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 449.229.708.609 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 317.602.066.672 VND).

▶ Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 174.911.318.710 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 13.197.855.372 VND).

*Handwritten signature*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**14. Tài sản cố định thuế tài chính**

Tại ngày 31/12/2022, tài sản cố định thuế tài chính là phương tiện vận tải bao gồm một số xe đầu kéo và xe tải có mui mà Công ty Cổ phần Vinafco thuê theo các hợp đồng thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Theo hợp đồng thuê tài chính, Công ty được lựa chọn mua lại Tài sản thuế tài chính theo giá bán chính theo giá bán chính theo giá trị tài sản của toàn bộ tài sản thuế tài chính. Trong đó, tổng giá trị tài sản được tính bằng giá trị mua tài sản (đã bao gồm VAT) cộng lệ phí trước bạ và các chi phí hợp lý hợp lệ hình thành tài sản.

**15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2022	-	1.999.613.332	1.999.613.332
Mua trong kỳ	-	632.340.000	632.340.000
Mua công ty con	47.638.971.227	10.465.299.421	58.104.270.648
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>47.638.971.227</b>	<b>13.097.252.753</b>	<b>60.736.223.980</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2022	-	1.328.714.803	1.328.714.803
Khấu hao trong kỳ	655.306.248	725.786.829	1.381.093.077
Mua công ty con	12.148.630.860	8.508.214.904	20.656.845.764
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>12.803.937.108</b>	<b>10.562.716.536</b>	<b>23.366.653.644</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2022	-	670.898.529	670.898.529
Tại ngày 31/12/2022	<b>34.835.034.119</b>	<b>2.534.536.217</b>	<b>37.369.570.336</b>

▶ Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 7.998.872.653 VND.

Wb m

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Tiếp vận Hòa Phát	12.796.949.890	12.796.949.890	-	-
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hoàng Minh	9.606.494.535	9.606.494.535	-	-
Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam	8.630.497.908	8.630.497.908	5.672.167.720	5.672.167.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không Việt Nam	3.329.297.310	3.329.297.310	5.075.952.964	5.075.952.964
Công ty Cổ phần H&T 66 Việt Nam	560.977.769	560.977.769	10.837.725.516	10.837.725.516
Phải trả các đối tượng khác	217.317.713.672	217.317.713.672	59.611.581.729	59.611.581.729
	<b>252.241.931.084</b>	<b>252.241.931.084</b>	<b>81.197.427.929</b>	<b>81.197.427.929</b>
<b>Trong đó, phải trả bên liên quan (Thuyết minh 36)</b>	<b>3.462.754.071</b>	<b>3.462.754.071</b>	<b>8.938.340.451</b>	<b>8.938.340.451</b>

*Handwritten signature/initials*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022			
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Hợp nhất VND	Số phải nộp VND	Thoái vốn VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.073.594.184	1.106.609.564	46.722.017.085	3.129.756	46.107.346.312	-	4.791.744.765
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	85.672.043	-	85.672.043	-	-
Thuế TNDN	49.788.147	7.016.133.788	11.198.901.375 (42.969.675)	42.467.513.131	312.299.916	47.766.387.419	2.724.860.965	15.278.933.777
Thuế thu nhập cá nhân	179.998.006	610.797.168	-	6.736.229.126	45.539.063	6.241.361.960	16.697.140	853.854.730
Thuế nhà thầu	-	-	-	1.033.211.745	-	927.165.587	-	106.046.158
Thuế nhà đất	-	-	349.247.122	4.085.849.987	-	4.435.097.109	-	-
Các loại thuế khác	-	2.250.000	50.428.225	94.794.927	-	144.253.152	-	3.220.000
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	302.223.113	-	262.198.679	-	40.024.434
	<b>229.786.153</b>	<b>10.702.775.140</b>	<b>12.662.216.611</b>	<b>101.527.511.157</b>	<b>360.988.735</b>	<b>105.969.482.261</b>	<b>2.741.558.105</b>	<b>21.073.823.864</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, theo đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

U4

36/110

36/110 H.H.V.

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.946.213.063	805.632.044
Lãi trái phiếu thường phải trả	5.338.171.245	3.177.287.672
Lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	27.021.800	27.677.300
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	27.021.800	27.677.300
Chi phí thuê mặt bằng, thuê cơ sở hạ tầng	1.040.000.000	7.421.392
Chi phí dịch vụ vận tải và dịch vụ kho bãi	9.873.464.860	867.397.504
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.840.320.800	1.164.446.520
	<b>21.065.191.768</b>	<b>6.049.862.432</b>
<b>Trong đó, chi phí phải trả với bên liên quan</b> (Thuyết minh 36)	<b>1.555.068.493</b>	<b>1.718.356.164</b>

**19. Phải trả khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi vay phải trả	1.696.186.301	1.666.060.274
Kinh phí công đoàn	953.338.095	1.207.478.780
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.532.588.765	888.594.334
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.854.788.200	1.076.430.600
Cổ tức phải trả cổ đông của Công ty mẹ	71.902.500	76.372.500
Cổ tức phải trả cổ đông không kiểm soát của các Công ty con	2.705.693.448	446.014.650
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.509.255.077	2.240.714.145
	<b>17.323.752.386</b>	<b>7.601.665.283</b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.198.364.703	30.000.000
	<b>13.198.364.703</b>	<b>30.000.000</b>
<b>Trong đó, phải trả bên liên quan</b> (Thuyết minh 36)	<b>1.604.792.438</b>	<b>9.176.000</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**20. Các khoản vay**

	01/01/2022		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Các khoản vay ngắn hạn</b>	<b>231.934.785.524</b>	<b>231.934.785.524</b>	<b>445.795.089.234</b>	<b>160.342.497.393</b>
<b>Ngân hàng TMCP Quân đội</b>	<b>46.421.628.620</b>	<b>46.421.628.620</b>	<b>154.951.947.014</b>	<b>23.198.017.447</b>
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	38.554.554.199	38.554.554.199	66.622.810.314	7.948.680.316
+ Công ty Cổ phần Vinafo	-	-	84.670.258.245	5.000.000.000
+ Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	7.867.074.421	7.867.074.421	25.791.882.483	10.249.337.131
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</b>	<b>86.639.712.082</b>	<b>86.639.712.082</b>	<b>215.843.142.220</b>	<b>44.265.169.946</b>
+ Công ty Cổ phần Logistics ASG	77.025.036.676	77.025.036.676	181.694.694.286	37.520.507.993
+ Công ty TNHH Vân tải ASG	7.851.282.276	7.851.282.276	34.148.447.934	6.744.661.953
+ Công ty Cổ phần Giao nhận APLUS	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU	1.763.393.130	1.763.393.130	-	-
<b>Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	-	-	30.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Hàng không Việt Nam</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>-</b>
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	-	-	45.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	80.000.000.000	80.000.000.000	10.000.000.000	70.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần Giao nhận Aplus</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.500.000.000</b>
+ Công ty Cổ phần Logistics ASG	-	-	-	9.500.000.000
<b>Vay cá nhân</b>	<b>18.873.444.822</b>	<b>18.873.444.822</b>	<b>5.494.134.822</b>	<b>13.379.310.000</b>
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Phía Nam	13.379.310.000	13.379.310.000	-	13.379.310.000
+ Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	5.494.134.822	5.494.134.822	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Các khoản vay (tiếp theo)**

	01/01/2022		31/12/2022				
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Hợp nhất kinh doanh VND	Phát sinh			
				Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả	54.172.775.752	54.172.775.752	10.744.507.813	42.887.739.589	55.610.267.300	52.194.755.854	52.194.755.854
Ngân hàng TMCP Quân Đội	54.172.775.752	54.172.775.752	5.671.559.310	31.930.390.789	49.653.789.445	42.120.936.406	42.120.936.406
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	24.898.144.213	24.898.144.213	-	4.103.859.260	24.898.144.246	4.103.859.227	4.103.859.227
+ Công ty Cổ phần Vinafco	-	-	5.591.610.410	8.328.514.740	5.591.610.410	8.328.514.740	8.328.514.740
+ Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco miền Trung	-	-	79.948.900	-	79.948.900	-	-
+ Công ty TNHH Vận tải ASG	4.959.150.000	4.959.150.000	4.959.150.000	4.959.150.000	4.959.150.000	4.959.150.000	4.959.150.000
+ Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	24.315.481.539	24.315.481.539	14.538.866.789	14.538.866.789	14.124.935.889	24.729.412.439	24.729.412.439
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	-	-	1.410.000.000	2.948.663.400	1.712.887.800	2.645.775.600	2.645.775.600
+ Công ty Cổ phần Vinafco	-	-	1.410.000.000	2.948.663.400	1.712.887.800	2.645.775.600	2.645.775.600
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	1.112.039.413	1.361.560.732	1.112.039.409	1.361.560.736	1.361.560.736
+ Công ty Cổ phần Vinafco	-	-	1.112.039.413	1.361.560.732	1.112.039.409	1.361.560.736	1.361.560.736
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	-	-	2.500.000.000	5.331.800.000	2.642.200.000	5.189.600.000	5.189.600.000
+ Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco	-	-	2.500.000.000	5.331.800.000	2.642.200.000	5.189.600.000	5.189.600.000
Nợ thuê tài chính - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng VCB	-	-	50.909.090	1.315.324.668	489.350.646	876.883.112	876.883.112
+ Công ty Cổ phần Vinafco	-	-	50.909.090	1.315.324.668	489.350.646	876.883.112	876.883.112
<b>Tổng cộng</b>	<b>286.107.561.276</b>	<b>286.107.561.276</b>	<b>47.377.511.841</b>	<b>488.682.828.823</b>	<b>609.630.648.693</b>	<b>212.537.253.247</b>	<b>212.537.253.247</b>

*Handwritten signature*

*Handwritten mark*

*Handwritten mark*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	01/01/2022		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>				
<b>Ngân hàng TMCP Quân Đội</b>	<b>88.027.647.790</b>	<b>88.027.647.790</b>	-	<b>39.499.551.236</b>
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	45.417.440.551	45.417.440.551	-	24.898.144.246
+ Công ty Cổ phần Vinafco	-	-	27.147.851.186	8.239.638.990
+ Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco miền Trung	-	-	79.948.900	79.948.900
+ Công ty TNHH Vận tải ASG	14.346.937.500	14.346.937.500	-	4.959.150.000
+ Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	28.263.269.739	28.263.269.739	-	1.322.669.100
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam</b>	-	-	<b>3.028.878.000</b>	<b>1.712.887.800</b>
+ Công ty Cổ phần Vinafco	-	-	3.028.878.000	1.712.887.800
<b>Ngân hàng TMCP Tiên Phong</b>	-	-	-	<b>1.516.793.507</b>
+ Công ty Cổ phần Vinafco	-	-	4.160.872.115	1.516.793.507
<b>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam</b>	-	-	<b>10.000.000.000</b>	<b>2.642.200.000</b>
+ Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco	-	-	10.000.000.000	2.642.200.000
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng VCB</b>	-	-	<b>3.000.000.000</b>	<b>632.207.789</b>
+ Công ty Cổ phần Vinafco	-	-	1.298.181.822	632.207.789
<b>Trái phiếu thường (*)</b>	<b>286.373.258.873</b>	<b>286.373.258.873</b>	<b>290.150.000.000</b>	<b>69.365.004.736</b>
+ Mệnh giá trái phiếu	290.000.000.000	290.000.000.000	300.000.000.000	72.500.000.000
+ Chi phí phát hành	(3.626.741.127)	(3.626.741.127)	(9.850.000.000)	(3.134.995.264)
	<b>374.400.906.663</b>	<b>374.400.906.663</b>	<b>297.128.878.000</b>	<b>115.368.645.068</b>
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(54.172.775.752)	(54.172.775.752)	(10.744.507.813)	(55.610.267.300)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	320.228.130.911	320.228.130.911	40.372.346.210	555.083.237.764

*Handwritten signature*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Các khoản vay (tiếp theo)****Thông tin chi tiết các khoản vay:**

STT	Đối tượng	Số dư gốc vay tại 31/12/2022 (VND)	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời hạn vay	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
<b>Khoản vay tại Công ty mẹ</b>						
1	TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	7.948.680.316	Sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ logistics của Công ty	Tối đa 04 tháng	Quy định theo từng giấy nhận nợ	Tiền kỳ quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và các giấy tờ có giá do MB phát hành, bất động sản, tài sản cố định
2	TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	20.519.296.305	Đầu tư giai đoạn 2 của dự án Khu dịch vụ Logistics tại Khu công nghiệp Yên Phong, Bắc Ninh.	Tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên	Tại ngày giải ngân là 8,50%, các năm tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 trả lãi sau của MB cộng với biên độ lãi suất 2,5%/ năm	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, quyền thuê dài hạn khu đất tại KCN Yên Phong- Bắc Ninh; tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc dự án Khu dịch vụ logistics tại KCN Yên Phong, Bắc Ninh - giai đoạn 1; tài sản hình thành từ vốn vay.
3	Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	70.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	06 tháng kể từ ngày đầu tiên chuyển tiền	4,00%/năm	Tin chấp



**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Các khoản vay (tiếp theo)**

STT	Đối tượng	Số dư gốc vay tại 31/12/2022 (VND)	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời hạn vay	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
<b>Khoản vay tại Công ty Cổ phần Logistics ASG</b>						
4	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công	37.520.507.993	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh	Từ ngày 04/07/2022 đến 04/07/2023	Quy định theo từng giấy nhận nợ	Hợp đồng thế chấp tài sản số: 04.ASGL/2021/HĐBĐ/NHCT222 ngày 15/07/2021 01.ASGL/2021/HĐBĐ/NHCT222 ngày 05/07/2021 01.ASGL/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 11/11/2020 01.ASGL/2019/HĐBĐ/NHCT222 ngày 14/10/2019 01.ALST/2018/HĐBĐ/NHCT222 ngày 29/08/2018
5	Công ty cổ phần giao nhận A Plus	9.500.000.000	Sử dụng tiền vay để phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư	06 tháng kể từ ngày nhận tiền của bên vay	4,20%/năm	Tin chấp
<b>Khoản vay tại Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không</b>						
6	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	10.249.337.131	Thanh toán lương, tiền Bảo hiểm xã hội, tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Cảng Cam Ranh	6 tháng kể từ ngày giải ngân theo từng Giấy nhận nợ	5,50%-6,80% theo từng khế ước nhận nợ	Máy móc thiết bị của Công ty
7	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	26.940.600.639	Thanh toán tiền xe điện, xe nâng mua trong kỳ, tài trợ dự án đầu tư trang thiết bị máy móc, cơ sở vật chất cho dịch vụ mặt đất giai đoạn 1 tại Sân bay Cam Ranh	5 năm	8,60%-9,20% theo từng khế ước nhận nợ	Máy móc thiết bị của Công ty

*Handwritten signature*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Các khoản vay (tiếp theo)**

STT	Ngân hàng	Số dư gốc vay tại 31/12/2022 (VND)	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời hạn vay	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
<b>Khoản vay tại Công ty TNHH Vận tải ASG</b>						
8	NH Mbbank - CN Sở giao dịch 1	3.540.600.000	Đầu tư các phương tiện vận tải để mua bao gồm: 5 xe ô tô đầu kéo và 5 sơ mi rơ moóc của công ty TNHH MTV Ô tô Hùng Anh và 4 xe ô tô tải Hino của công ty TNHH Lexim	4 năm	Năm đầu tiên là 8,50%. Điều chỉnh giảm lãi suất xuống 7,50% từ ngày 30/06/2020 đến 25/9/2020 theo văn bản sửa đổi số LD2015029041/PL01 ký ngày 30/06/2020. Sau ngày 25/9 lãi suất điều chỉnh theo thời gian quy định theo Hợp đồng.	Phương tiện vận tải của Công ty
9	NH Mbbank - CN Sở giao dịch 1	5.847.187.500	Đầu tư các phương tiện vận tải, xe nâng hình thành từ Hợp đồng chuyển nhượng dự án số 01/2020/HĐCN-ASG-ASGT giữa ASGT & ASGTN	4 năm	Năm đầu tiên là 8,50%/năm, các năm tiếp theo lãi suất thả nổi điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư trả lãi sau của MB kỳ hạn 12 tháng tại thời điểm thay đổi lãi suất + biên độ 2%/ năm.	Phương tiện vận tải của Công ty
10	NH Vietinbank - CN Sóng Công	6.744.661.953	Vay lưu động thanh toán công nợ nhà cung cấp và thuế GTGT, lương CBNV	5 tháng kể từ ngày giải ngân	Theo từng giấy nhận nợ	Phương tiện vận tải và máy móc thiết bị của Công ty



**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Các khoản vay (tiếp theo)**

STT	Ngân hàng	Số dư gốc vay tại 31/12/2022 (VND)	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời hạn vay	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
<b>Khoản vay tại Công ty Cổ phần Vinafco</b>						
11	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	5.000.000.000	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Theo từng kế ước nhận nợ	4,50% - 4,70%/năm	<p>Tài sản đảm bảo</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, lợi thế thương mại của:</li> <li>+ Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất tại Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC331979 thửa đất số 163</li> <li>+ Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất tại Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC331978 thửa đất số 255</li> <li>+ Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất tại Thanh Trì theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 486953.</li> </ul>
12	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	13.808.362.196	Tài trợ dự án mở rộng kho Thanh Trì giai đoạn 2	Đáo hạn năm 2026	9,40% - 10,40%/ năm	Quyền sử dụng đất khu A, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì (41.308 m2) cùng các công trình gắn liền trên đất thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng tín dụng số 68804.15.002.1212888 ngày 29 tháng 10 năm 2015.
13	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	5.099.850.000	Đầu tư phương tiện vận tải	Đáo hạn năm 2024	10,20%/ năm	Các phương tiện vận tải hình thành từ phương án vay vốn, thuộc sở hữu của Công ty.
14	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2.644.078.608	Đầu tư phương tiện vận tải, giá kệ kho	Đáo hạn năm 2024-2025	9,85% - 10,45%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất 1146, tờ bản đồ số 11 TĐH, KCN Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương.
15	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	9.745.990.200	Đầu tư phương tiện vận tải	Đáo hạn năm 2026-2027	7,20-8,50%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay



*Handwritten signature/initials*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Các khoản vay (tiếp theo)**

STT	Ngân hàng	Số dư gốc vay tại 31/12/2022 (VND)	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời hạn vay	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
<b>Khoản vay tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco</b>						
16	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	8.307.800.000	Vay bù đắp thanh toán mua tàu biển và ô tô	Đáo hạn năm 2024-2027	9,00%-9,60%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Vinafco</b>						
17	Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.665.974.033	Đầu tư phương tiện vận tải	Đáo hạn năm 2026-2027	7,50%-8,30%/năm	Kỳ quỹ 3%-7% tổng tài sản






**Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu thường**

Ngày 19/11/2020, Công ty phát hành 3.000.000 trái phiếu thường với các thông tin như sau:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG năm 2020.
- Mã Trái phiếu: ASG\_BONDS\_2020.
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi và có tài sản đảm bảo.
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu. Tổng giá trị phát hành là 300.000.000.000 VND. Chi phí phát hành trái phiếu là 4.730.531.899 VND.
- Kỳ hạn Trái phiếu: 05 năm (từ ngày 19/11/2020 đến ngày 19/11/2025).
- Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, thanh toán định kỳ 06 tháng một lần vào ngày tròn 06 tháng thứ nhất kể từ ngày phát hành Trái phiếu hoặc từ ngày thanh toán lãi đến ngày thanh toán lãi tiếp theo.
- Lãi suất: 9%/năm.
- Mục đích phát hành trái phiếu: Tăng quy mô vốn hoạt động để thực hiện mua lại một phần vốn góp tại Công ty TNHH hoạt động trong lĩnh vực logistics, hàng không.
- Tài sản đảm bảo: Được đảm bảo bằng 100% tài sản đảm bảo đủ điều kiện thế chấp/cầm cố theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ASG; cổ phần thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ASG tại Công ty Cổ phần Logistics ASG và Công ty Cổ phần Logistics Hàng không; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CI339083 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái nguyên cấp cho Công ty Cổ phần Logistics ASG.

Ngày 25/05/2022, Công ty phát hành 3.000 trái phiếu thường với các thông tin như sau:

- Mã trái phiếu: ASGH2225001
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi và có tài sản đảm bảo.
- Mệnh giá: 100.000.000 VND/trái phiếu. Tổng giá trị phát hành là 300.000.000.000 VND.
- Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, thanh toán định kỳ 06 tháng một lần.
- Mục đích phát hành trái phiếu: Cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty.
- Tài sản đảm bảo: 13.358.624 cổ phiếu ASG, 6.825.000 cổ phiếu VFC và các khoản lợi tức của các cổ phiếu nêu trên, các khoản tiền gửi, khoản tín dụng, số dư, các khoản khác của các tài khoản chứng khoán dùng để lưu ký các cổ phiếu bảo đảm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>630.449.640.000</b>	<b>68.173.435.093</b>	<b>5.731.715.025</b>	<b>526.424.826</b>	<b>320.809.310.211</b>	<b>304.036.943.198</b>	<b>1.329.727.468.353</b>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	126.089.270.000	-	-	-	(126.089.270.000)	-	-
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	1.050.000.000	1.050.000.000	1.050.000.000
Công ty con hoàn lại cổ tức tương ứng cổ phiếu quỹ mua trong kỳ	-	-	-	-	746.672.738	592.569.620	1.339.242.358
Công ty con tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(20.798.400)	(20.798.400)
Mua công ty con	-	-	-	-	-	29.749.165.491	29.749.165.491
Công ty con mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	371.107.088	(12.265.618.111)	(11.894.511.023)
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	59.965.958.523	(25.121.336.320)	34.844.622.203
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(856.057.491)	(4.360.029.329)	(5.216.086.820)
Tăng khác	-	(18.272.352)	-	-	(92.247.872)	(18.327.013)	(128.847.237)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>756.538.910.000</b>	<b>68.155.162.741</b>	<b>5.731.715.025</b>	<b>526.424.826</b>	<b>254.855.473.197</b>	<b>293.642.569.136</b>	<b>1.379.450.254.925</b>
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	90.137.842.482	62.090.665.763	152.228.508.245
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(1.348.880.834)	(6.404.459.240)	(7.753.340.074)
Thoái vốn công ty con	-	-	-	-	(66.635.282)	(12.553.983.052)	(12.620.618.334)
Mua Công ty con	-	-	-	-	-	335.423.945.491	335.423.945.491
Công ty con bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	260.970.778	4.043.521.022	4.304.491.800
Chênh lệch sở hữu tăng thêm và giá phí đầu tư tại Công ty liên kết	-	-	-	-	(25.832.491.619)	-	(25.832.491.619)
Tăng do biến động VCSH Công ty liên kết	-	-	-	-	(326.418.419)	-	(326.418.419)
Tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	803.191.788	-	803.191.788	(22.048.331.678)	21.245.139.890	-
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>756.538.910.000</b>	<b>68.155.162.741</b>	<b>5.731.715.025</b>	<b>1.329.616.614</b>	<b>295.631.528.625</b>	<b>697.487.399.010</b>	<b>1.824.874.332.015</b>

*Handwritten signature*

ĐAN ASS  
169 \* 555

Handwritten marks and stamps

(\*) Công ty mẹ phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/ASG ngày 22/06/2022, trong đó, trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 737.000.000 VND tương đương 1% lợi nhuận sau thuế của năm 2021.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư APL	67.261.200.000	8,89	67.261.200.000	8,89
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Long Thành	49.032.080.000	6,48	49.032.080.000	6,48
Các cổ đông khác	640.245.630.000	84,63	640.245.630.000	84,63
	<b>756.538.910.000</b>	<b>100,00</b>	<b>756.538.910.000</b>	<b>100,00</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	756.538.910.000	630.449.640.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	126.089.270.000
- Vốn góp cuối kỳ	<b>756.538.910.000</b>	<b>756.538.910.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận:</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	76.372.500	1.569.352.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	-	126.089.270.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	-
+ <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</i>	-	126.089.270.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả trong kỳ	4.470.000	127.582.250.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.470.000	1.492.980.000
+ <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</i>	-	126.089.270.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>71.902.500</b>	<b>76.372.500</b>

*Handwritten signature and stamp*

**d. Cổ phiếu**

	Năm 2022	Năm 2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.653.891	75.653.891
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	75.653.891	75.653.891
- Cổ phiếu phổ thông	75.653.891	75.653.891
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.653.891	75.653.891
- Cổ phiếu phổ thông	75.653.891	75.653.891
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của Công ty**

	31/12/2022	01/01/2022
Quỹ đầu tư phát triển	1.329.616.614	526.424.826
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.731.715.025	5.731.715.025
	<b>7.061.331.639</b>	<b>6.258.139.851</b>

**22. Tài khoản ngoại bảng và Cam kết thuê hoạt động**

Cam kết thuê hoạt động

Công ty mẹ thuê đất tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài theo quyết định 2175/QĐ-CVMB ngày 06/11/2015 để sử dụng nhằm mục đích xây dựng văn phòng Công ty và khu dịch vụ logistics trong vòng 49 năm kể từ ngày 10/12/2014. Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm. Giá đất, tiền thuê đất phải nộp do cơ quan Thuế ban hành theo quy định của Luật đất đai.

Công ty mẹ ký hợp đồng thuê đất và cơ sở hạ tầng trên đất số 02/2017/BĐS-HĐKT tại Khu công nghiệp Yên Phong để sử dụng cho hoạt động của chi nhánh Bắc Ninh trong vòng 38 năm và 3 tháng kể từ ngày 09/01/2017. Công ty đã trả tiền thuê cơ sở hạ tầng một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

Công ty mẹ ký hợp đồng thuê văn phòng số 01122020/NMC-ASG ngày 01/12/2020 tại tầng 4 tòa nhà Plaschem, 562 Nguyễn Văn Cừ với tổng diện tích 455m<sup>2</sup> để sử dụng làm văn phòng đại diện.

Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con của Công ty) thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Lô số 5, Khu Công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam theo hợp đồng thuê đất số N005/2014/YBI-ALST ngày 18/3/2014. Thời hạn thuê đất và cơ sở hạ tầng là 49 năm phục vụ cho dự án kho hàng không kéo dài tại Thái Nguyên. Công ty đã trả tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng cho toàn bộ thời gian thuê.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty con của Công ty) Công ty ký hợp đồng thuê đất không hủy ngang tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh để sử dụng làm nhà để xe taxi và nhà hàng từ năm 2011 tới 2022. Diện tích khu đất thuê là 2.244 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Công ty cũng thuê vị trí tại các Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh, Cảng hàng không Phù Cát, Cảng hàng không Chu Lai, Cảng hàng không Tuy Hòa và Cảng hàng không Liên Khương để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh.

Các công ty con thuê ngoài các vị trí làm văn phòng/ kho bãi, văn phòng, xe, tài sản... theo các hợp đồng thuê hoạt động với các bên. Theo các hợp đồng này, Công ty có trách nhiệm thanh toán tiền thuê định kỳ/ hoặc trả tiền trước.

Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đô la Mỹ (USD)	139.035,47	58.681,24

**23. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>1.979.717.131.195</b>	<b>722.200.202.004</b>
Dịch vụ hàng hóa hàng không	329.296.428.281	405.518.658.365
Dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách	1.267.318.307.965	226.266.842.712
Dịch vụ kho bãi và cho thuê văn phòng	149.996.915.123	32.956.279.923
Dịch vụ phục vụ mặt đất hàng không	43.593.775.756	14.188.158.975
Dịch vụ ăn uống và bán hàng hóa	62.233.452.091	18.491.333.780
Doanh thu hợp tác kinh doanh	4.519.082.018	2.824.513.362
Doanh thu khác	122.759.169.961	21.954.414.887
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(207.683.120)</b>	<b>(20.000)</b>
Chiết khấu thương mại	(207.683.120)	-
Giảm giá hàng bán	-	(20.000)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.979.509.448.075</b>	<b>722.200.182.004</b>
<b>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh 36)</b>	<b>47.003.028.254</b>	<b>83.311.501.630</b>

**24. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn dịch vụ hàng hóa hàng không	216.385.113.594	254.087.057.364
Giá vốn dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách	1.065.048.996.538	189.959.863.989
Giá vốn dịch vụ kho bãi và cho thuê văn phòng	112.801.952.702	17.464.788.018
Giá vốn dịch vụ phục vụ mặt đất hàng không	56.911.750.201	39.001.698.735
Giá vốn dịch vụ ăn uống và bán hàng hóa	47.344.457.379	22.420.153.525
Giá vốn hợp tác kinh doanh	4.415.571.770	2.952.192.319
Giá vốn khác	111.991.476.742	15.560.021.697
	<b>1.614.899.318.926</b>	<b>541.445.775.647</b>
<b>Trong đó, mua dịch vụ từ các bên liên quan (Thuyết minh 36)</b>	<b>38.141.062.519</b>	<b>51.837.696.858</b>

*Handwritten signature and initials in blue ink.*

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.674.493.720	15.664.331.336
Cổ tức được chia	8.062.450.000	5.328.800.000
Lãi chuyển nhượng chứng khoán	-	8.121.356.639
Lãi trái phiếu	142.465.600	1.186.664.044
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư	2.226.406.820	-
Lãi chiết khấu thanh toán	534.297.973	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	698.493.919	60.636.747
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	15.552.931	1.774.828
Lợi tích tăng thêm do chuyển từ công ty liên kết thành công ty con	65.486.876.009	-
	<b>99.841.036.972</b>	<b>30.363.563.594</b>
<b>Trong đó, doanh thu tài chính với các bên liên quan</b> (Thuyết minh 36)	<b>3.480.137.219</b>	<b>278.945.205</b>

**26. Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	20.451.624.489	17.182.268.948
Lãi trái phiếu thường	43.542.500.012	26.996.465.754
Dự phòng đầu tư tài chính	6.737.552.320	(2.064.200.000)
Chi phí phát hành trái phiếu thường	3.134.995.264	946.106.376
Lỗ thoái vốn vào công ty con	732.988.101	-
Chi phí thẩm định giá cổ phần	-	50.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	279.200.517	170.668.575
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	176.549.251	3.004.844
Khác	265.974.086	753.373.312
	<b>75.321.384.040</b>	<b>44.037.687.809</b>
<b>Trong đó, chi phí tài chính với các bên liên quan</b> (Thuyết minh 36)	<b>3.169.863.014</b>	<b>1.718.356.164</b>

**27. Chi phí bán hàng**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.095.912.644	1.690.785.695
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.140.446.718	1.619.004.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.291.371	83.577.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.025.205.209	1.645.778.025
Chi phí bằng tiền khác	16.359.286	118.540.139
	<b>8.375.215.228</b>	<b>5.157.685.533</b>

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	(đã điều chỉnh) VND
Chi phí nhân viên quản lý	100.122.534.814	47.641.695.870
Chi phí vật liệu và dụng cụ quản lý	4.255.433.794	2.018.548.426
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.720.672.863	5.256.115.239
Thuế phí và lệ phí	358.132.407	250.942.109
Chi phí dự phòng	6.823.673.600	6.054.865.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.222.485.545	20.288.637.022
Chi phí bằng tiền khác	24.173.079.950	11.307.704.564
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	22.420.367.034	10.910.616.274
	<b>196.096.380.007</b>	<b>103.729.124.816</b>

**29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	42.419.415.084	23.705.086.305
- Công ty Cổ phần Logistics ASG	7.048.258.152	17.374.584.473
- Công ty Cổ phần Vinafco	6.716.019.352	-
- Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương	66.297.547	-
- Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco	2.273.997.867	-
- Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Hậu Giang	(40.159.888)	-
- Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng	91.962.559	-
- Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ	11.468.737	-
- Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco	273.297.641	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco	20.588.341.373	-
- Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco miền Trung	208.324.228	-
- Công ty Cổ phần Giao nhận APLUS	446.898.615	-
- Công ty TNHH ALS Thành phố Hồ Chí Minh	1.598.703.285	2.538.980.539
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn	-	545.455
- Công ty TNHH Nhà ga Hàng hóa Cam Ranh	162.116.420	100.630.684
- Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	1.313.796.222	1.666.885.031
- Công ty TNHH Vận tải ASG	282.321.287	2.012.717.665
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	1.377.771.687	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay Phía Nam	-	10.742.458
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>42.467.513.131</b>	<b>23.705.086.305</b>

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 (đã điều chỉnh) VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	8.329.403.152	3.228.234.230
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	17.017.136.450	16.989.896.290
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>25.346.539.602</b>	<b>20.218.130.520</b>



**b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	35.925.657.030	24.020.083.596
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>35.925.657.030</b>	<b>24.020.083.596</b>

**c. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	6.916.574.710	18.009.349.381
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.240.160	(160.835.874)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	(16.989.896.290)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(62.412.369)
	<b>6.943.814.870</b>	<b>796.204.848</b>

**31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	90.137.842.482	59.965.958.523
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	90.137.842.482	59.965.958.523
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	75.653.891	75.653.891
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.191</b>	<b>793</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Handwritten signature/initials in blue ink.*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 32. Chi phí theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.560.530.674	55.308.902.655
Chi phí nhân công	305.162.103.463	149.433.087.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.851.667.951	54.235.282.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.099.193.195.729	351.248.254.501
Chi phí khác bằng tiền	46.636.561.065	22.943.028.869
	<b>1.797.404.058.882</b>	<b>633.168.556.109</b>

### 33. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2022</b>			
Đầu tư ngắn hạn	90.200.418.837	-	90.200.418.837
	<b>90.200.418.837</b>	<b>-</b>	<b>90.200.418.837</b>
<b>01/01/2022</b>			
Đầu tư ngắn hạn	101.336.180.337	-	101.336.180.337
Đầu tư dài hạn	40.000.000.000	-	40.000.000.000
	<b>141.336.180.337</b>	<b>-</b>	<b>141.336.180.337</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí...

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay, trái phiếu và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2022</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	206.721.379.127	-	206.721.379.127
Phải thu khách hàng, phải thu khác	452.678.934.340	50.181.208.287	502.860.142.627
Các khoản cho vay	402.326.264.838	-	402.326.264.838
	<b>1.061.726.578.305</b>	<b>50.181.208.287</b>	<b>1.111.907.786.592</b>
<b>01/01/2022</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.335.598.773	-	137.335.598.773
Phải thu khách hàng, phải thu khác	161.926.418.087	288.566.210	162.214.984.297
Các khoản cho vay	151.550.332.742	-	151.550.332.742
	<b>450.812.349.602</b>	<b>288.566.210</b>	<b>451.100.915.812</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2022</b>			
Vay và nợ	212.537.253.247	555.083.237.764	767.620.491.011
Phải trả người bán, phải trả khác	269.565.683.470	13.198.364.703	282.764.048.173
Chi phí phải trả	21.065.191.768	-	21.065.191.768
	<b>503.168.128.485</b>	<b>568.281.602.467</b>	<b>1.071.449.730.952</b>
<b>01/01/2022</b>			
Vay và nợ	286.107.561.276	320.228.130.911	606.335.692.187
Phải trả người bán, phải trả khác	88.799.093.212	30.000.000	88.829.093.212
Chi phí phải trả	6.049.862.432	-	6.049.862.432
	<b>380.956.516.920</b>	<b>320.258.130.911</b>	<b>701.214.647.831</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

*Handwritten signature*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**35. Báo cáo bộ phận**

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Dịch vụ vận tải		Dịch vụ phục vụ mặt đất hàng không	Khác	Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	Dịch vụ hàng hóa hàng không	Dịch vụ hàng hoá và hành khách			VND	VND		VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	329.296.428.281	1.267.110.624.845	43.593.775.756	339.508.619.193	1.979.509.448.075	-	-	1.979.509.448.075	
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	52.925.494.893	98.162.650.495	-	28.166.212.718	179.254.358.106	(179.254.358.106)		-	
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>112.911.314.687</b>	<b>202.061.628.307</b>	<b>(13.317.974.445)</b>	<b>62.955.160.600</b>				<b>364.610.129.149</b>	
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	-	29.697.869.913	-		29.697.869.913	
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	5.510.203.158.215	(2.504.600.878.574)		3.005.602.279.641	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	25.346.539.602	-		25.346.539.602	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.535.549.697.817</b>	<b>(2.504.600.878.574)</b>		<b>3.030.948.819.243</b>	
Nợ phải trả của các bộ phận	-	-	-	-	1.950.374.152.599	(780.225.322.401)		1.170.148.830.198	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	35.925.657.030	-		35.925.657.030	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.986.299.809.629</b>	<b>(780.225.322.401)</b>		<b>1.206.074.487.228</b>	

Theo khu vực địa lý:

Do hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**36. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Danh sách và mối quan hệ của các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Tổ chức có liên quan đến bà Bùi Thị Lệ Hằng - thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	Tổ chức có liên quan đến bà Bùi Thị Lệ Hằng - thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	Tổ chức có liên quan đến bà Bùi Thị Lệ Hằng - thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ hàng không Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần HANA-DH TLS	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Logistics HTNS - Vinafco	Công ty liên kết

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>5.324.996.697</b>	<b>15.923.938.211</b>
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	-	7.162.766.519
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	2.603.036.455	4.402.364.731
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	1.308.280.242	4.095.930.446
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	1.413.680.000	
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	-	262.876.515
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>17.637.294</b>	<b>301.437.883</b>
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	14.367.796	22.492.678
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	1.061.279	-
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	2.208.219	278.945.205
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	1.000.000.000	-
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>	<b>3.462.754.071</b>	<b>8.938.340.451</b>
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	41.460.000	117.450.000
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	1.617.733.947	2.825.100.781
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	1.800.229.404	4.656.431.823
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	3.330.720	1.339.357.847
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>1.604.792.438</b>	<b>9.176.000</b>
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	9.176.000	9.176.000
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	1.595.616.438	-
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	70.000.000.000	80.000.000.000
<b>Chi phí lãi vay phải trả</b>	<b>1.555.068.493</b>	<b>1.718.356.164</b>
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	1.555.068.493	1.718.356.164

*Handwritten signature and mark*

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>47.003.028.254</b>	<b>83.311.501.630</b>
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	6.692.071.700	26.522.211.700
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	13.709.998.521	18.576.594.860
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	25.548.811.308	33.512.424.541
Công ty cổ phần Jetlink Việt Nam	-	4.700.270.529
Công ty TNHH Logistics HTNS - Vinafco	1.052.146.725	-
<b>Mua dịch vụ</b>	<b>38.141.062.519</b>	<b>51.837.696.858</b>
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	705.233.333	548.635.000
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	5.945.672.912	9.934.498.882
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	28.972.364.952	34.183.446.120
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	4.500.000	-
Công ty cổ phần HANA-DH TLS	-	516.312.010
Công ty cổ phần Jetlink Việt Nam	2.513.291.322	6.654.804.846
<b>Trả hộ</b>	<b>1.185.823.746</b>	<b>852.657.804</b>
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	1.185.823.746	852.657.804
<b>Thu hộ</b>	<b>5.651.857.107</b>	<b>4.933.802.843</b>
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	3.989.386.575	4.918.987.335
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	1.662.470.532	14.815.508
<b>Thanh lý TSCĐ, CCDC</b>	<b>700.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	700.000.000	-
<b>Nhận phân phối lợi nhuận, cổ tức</b>	<b>3.477.929.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	3.477.929.000	-
<b>Cho vay</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	1.000.000.000	16.000.000.000
<b>Lãi cho vay</b>	<b>2.208.219</b>	<b>278.945.205</b>
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	2.208.219	278.945.205
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	-	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ hàng không Hà Nội	30.000.000.000	-
<b>Trả vay ngắn hạn</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ hàng không Hà Nội	30.000.000.000	-
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>3.169.863.014</b>	<b>1.718.356.164</b>
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	3.036.712.329	1.718.356.164
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ hàng không Hà Nội	133.150.685	-

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

TT	Họ tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1	Ông Dương Đức Tính	Chủ tịch HĐQT	1.359.424.333	1.222.545.612
2	Ông Phạm Văn Hà	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 22/06/2022) Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2022)	144.583.333	259.016.667
3	Bà Bùi Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
4	Ông Lý Lâm Duy	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
5	Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
6	Ông Trương Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	934.347.667	853.494.444
7	Bà Nguyễn Thị Lê Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 27/06/2022)	666.526.667	646.550.556
8	Ông Phạm Xuân Phương	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 22/06/2022)	90.000.000	120.000.000
9	Bà Trần Thị Nường	Thành viên BKS	350.114.853	372.248.905
10	Bà Hoàng Thị Thành	Thành viên BKS	-	49.000.000
11	Ông Nguyễn Quang Đạt	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 22/06/2022)	657.133.333	365.700.000
			<b>4.562.130.186</b>	<b>4.248.556.184</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

### 37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Trong năm, Công ty Cổ phần Vinafco đã trở thành công ty con gián tiếp của Công ty nên tổng tài sản và kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ đã tăng lên đáng kể so với kỳ so sánh. Do đó, các số dư, số phát sinh tại kỳ so sánh có thể không so sánh được.

Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc đánh giá giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang mà năm 2021 được ghi nhận theo phương pháp kế toán tạm thời tại ngày mua. Công ty đã xác định ảnh hưởng của việc đánh giá lại giá trị hợp lý và điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Theo đó, chỉ tiêu "Chi phí trả trước ngắn hạn" được ghi nhận giảm 4.160.000.000 VND so với giá trị sổ sách, dẫn đến các điều chỉnh cụ thể như sau:



	Mã số	Số liệu trên		Số liệu điều chỉnh lại
		Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Điều chỉnh	
<b>a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất</b>				
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.343.084.191	(4.160.000.000)	10.183.084.191
Lợi thế thương mại	269	95.886.243.312	1.896.960.000	97.783.203.312
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19.386.130.520	832.000.000	20.218.130.520
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	254.955.313.197	(99.840.000)	254.855.473.197
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	294.973.769.136	(1.331.200.000)	293.642.569.136
<b>b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	103.629.284.816	99.840.000	103.729.124.816
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61	60.065.798.523	(99.840.000)	59.965.958.523
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	794	(1)	793
<b>c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	59.445.753.356	(99.840.000)	59.345.913.356
Giảm chi phí trả trước	12	14.785.124	99.840.000	114.625.124

**38. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 28 tháng 03 năm 2023.


**Trần Thị Thu Hương**                      **Đặng Thị Phương Nga**                      **Dương Đức Tính**  
 Người lập biểu                              Kế toán trưởng                              Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG**

**Địa chỉ:** Khu dịch vụ Logistics | Cảng HKQT Nội Bài  
xã Phú Minh | huyện Sóc Sơn | Hà Nội

**Điện thoại:** (84-24) 3761 6688

**E-mail:** [info@asg.net.vn](mailto:info@asg.net.vn)

**Website:** [www.asg.net.vn](http://www.asg.net.vn)